

**HỢP TÁC XÃ  
NÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT  
Kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chuỗi  
trên địa bàn xã Phú Vinh**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

**1. Chủ trì kế hoạch liên kết:**

- Tên đơn vị: Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hải Lương
- Chức vụ: CTHĐQT kiêm Giám đốc
- Số điện thoại: 0384.098.452
- Địa chỉ: Số 147, KDC 5, ấp 7, xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai.
- Địa điểm sản xuất: xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai
- Giấy chứng nhận đăng ký HTX: 3603410192 , cấp ngày 28/09/2016
- Mã số thuế: 3603410192
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh:
  - + Cung cấp cây giống;
  - + Kinh doanh vật tư nông nghiệp;
  - + Buôn bán nông sản (ngành chính);
  - + Chế biến và bảo quản rau quả.

Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân (HTX) được thành lập với mục đích liên kết nhà vườn sản xuất chuỗi ở địa phương để tạo ra vùng nguyên liệu chuỗi lớn, tổ chức hoạt động hướng tới sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hình thành các chuỗi giá trị, giúp nông dân tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao thu nhập và phát triển bền vững. HTX cung cấp giống, phân bón và các vật tư nông nghiệp khác, giúp nông dân giảm chi phí sản xuất. HTX đóng vai trò tiếp nhận tiến bộ

khoa học công nghệ từ các chương trình hỗ trợ phát triển của Nhà nước, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật canh tác theo quy trình đạt tiêu chuẩn, cho sản phẩm có năng suất, mẫu mã và chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. HTX đứng ra thu mua chuối, tìm đầu mối tiêu thụ, tiếp cận thị trường xuất khẩu, tạo kênh tiêu thụ ổn định và có giá trị cao cho nông dân, tránh tình trạng được mùa mất giá hoặc phụ thuộc vào thương lái.

## **2. Các bên tham gia liên kết**

### **2.1. Đơn vị chủ trì liên kết**

- Tên đơn vị: Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân
- Người đại diện: Ông Hoàng Hải Lương
- Chức vụ: CT.HĐQT kiêm Giám Đốc
- Địa chỉ: Số 147, KDC 5, ấp 7, xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai
- Địa điểm sản xuất: xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 0384.098.452                      Mã số thuế: 3603410192
- Diện tích sản xuất chuối tham gia liên kết: 84,1ha
- Tổng số thành viên sản xuất: 46 thành viên.

### **2.2. Đơn vị thu mua sản phẩm**

- Tên doanh nghiệp: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TOÀN
- Địa chỉ: TĐ 3B, Tổ 2, Đường 762, ấp Thuận An, xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện: Ông Lâm Kiến Toàn                      Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0966.642.127                      Mã số thuế: 0314859219-001

## **3. Số lượng nhà vườn tham gia liên kết**

46 thành viên Hợp tác xã đăng ký tham gia thực hiện kế hoạch liên kết với diện tích tổng diện tích 84,1ha (*Chi tiết danh sách tại phụ lục*).

## **4. Tổng quan về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết**

#### **4.1. Tình hình sản xuất, tiêu thụ chuỗi trước khi thực hiện kế hoạch liên kết**

Chuối là một trong những loại cây ăn quả phổ biến nhất tại Việt Nam, được trồng rộng khắp ở nhiều vùng sinh thái, từ trung du và miền núi phía Bắc đến đồng bằng Nam Bộ. Theo số liệu của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đến năm 2024 diện tích trồng chuối cả nước đạt trên 160 nghìn ha, năng suất bình quân đạt 20,7 tấn/ha, với tổng sản lượng khoảng 3 triệu tấn/năm. Sản lượng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa mà còn phục vụ cho thị trường xuất khẩu.

Hiện nay, Việt Nam đứng thứ chín trong số các quốc gia xuất khẩu chuối trên thế giới. Các thị trường tiêu thụ chính gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Canada, Nga, Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu chuối của Việt Nam đạt khoảng 380 triệu USD, chiếm 2,5% tổng giá trị thương mại chuối toàn cầu (ước tính 15,3 tỷ USD).

Đồng Nai đang đứng đầu cả nước về diện tích trồng chuối cây mô xuất khẩu, có nhiều vùng chuyên canh quy mô lớn tập trung khu vực ở 4 huyện cũ là Trảng Bom, Thống Nhất, Xuân Lộc và Định Quán. Năm 2024, diện tích chuối của tỉnh đạt 18,3 nghìn ha, chiếm tỷ lệ 8,5% diện tích toàn quốc. Tổng sản lượng chuối thu hoạch ước đạt khoảng 450 nghìn tấn; trong đó trên 80% là phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu, còn lại tiêu thụ nội địa khoảng 15% và chế biến chưa đến 5%. Diện tích trồng chuối cây mô xuất khẩu của tỉnh tăng nhanh thời gian gần đây do Đồng Nai có nhiều lợi thế phát triển cây trồng này.

Phú Vinh là xã mới được thành lập của tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập 2 xã Phú Vinh và Phú Tân thuộc huyện Định Quán trước đây. Xã có diện tích hơn 69km<sup>2</sup>, dân số trên 31 nghìn người, phần lớn là đồng bào dân tộc Hoa và các dân tộc thiểu số và sản xuất nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực. Hiện xã Phú Vinh đã quy hoạch vùng chuối nuôi cấy mô với diện tích khoảng 1.300ha, cho thu hoạch sau 9-10 tháng trồng và chăm sóc. Bên cạnh thị trường trong nước sản phẩm chuối của Phú Vinh đã được xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia.

Tuy nhiên, việc tiêu thụ không phải lúc nào cũng dễ dàng. Do thiếu thông tin kết nối thị trường tiêu thụ nên đầu ra chính thức của nhà vườn không phải là đơn vị xuất khẩu, chế biến sản phẩm chuỗi mà chủ yếu là thông qua kênh thương lái trung gian. Vì vậy, nhà vườn gặp rủi ro về thị trường, có thời điểm xảy ra sốt giá nhưng có tình trạng rớt giá, khó tiêu thụ.

#### **4.2. Những rủi ro của phương thức sản xuất khi không có liên kết**

- Rủi ro về thị trường và về giá sản phẩm: Nhà vườn gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường tiêu thụ do thiếu kết nối với kênh phân phối và thiếu thông tin về nhu cầu thị trường. Không có đơn vị bao tiêu sản phẩm ổn định với giá cả phù hợp nên thường phải bán cho thương lái với giá cả bấp bênh.

- Rủi ro trong sản xuất: Nhà vườn thường chăm sóc theo kinh nghiệm là chính, hạn chế việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) để đạt các chứng nhận về sản xuất nên khó đáp ứng đủ số lượng sản phẩm đạt chất lượng mà thị trường yêu cầu.

- Rủi ro về vốn: Nhà vườn có nhu cầu đầu tư vào sản xuất cao nhưng gặp khó khăn về nguồn vốn do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hạn chế tài sản đảm bảo, cũng như không chứng minh được hiệu quả mô hình sản xuất nên khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng thấp.

- Rủi ro về chất lượng sản phẩm: Nông dân trồng chuối chủ yếu chăm sóc và thu hoạch vẫn dựa nhiều vào kinh nghiệm cá nhân, chưa tuân theo quy trình chăm sóc chung thống nhất theo tiêu chuẩn VietGAP, hạn chế trong việc tiếp cận và áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất dẫn đến chất lượng sản phẩm chưa đảm bảo, không đồng đều.

Vì vậy, sản xuất chuối theo chuỗi giá trị liên kết, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, HTX và nhà vườn trên cơ sở hợp đồng liên kết là hướng đi bền vững giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho các bên.

#### **4.3. Bối cảnh, sự cần thiết xây dựng kế hoạch liên kết**

Phú Vinh là xã miền núi của Đồng Nai, với phần lớn người dân sinh sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp. Những năm qua, mô hình trồng chuối cây mô

mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống của nhiều nông dân. Chuối cây mô là cây trồng tương đối dễ chăm sóc, tuy nhiên để quả chuối đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thì cần canh tác kỹ thuật cao và đáp ứng các tiêu chuẩn thực hành tốt nông nghiệp GAP để sản phẩm đạt yêu cầu về kích thước, mẫu mã, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. Vì thế phần đông nhà vườn cũng không đủ năng lực để cung ứng số lượng lớn sản phẩm đạt chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, điều quan tâm lớn của nông dân trồng chuối trên địa bàn xã Phú Vinh hiện nay là có đơn vị thu mua, bao tiêu đầu ra ổn định với giá cả hợp lý để nhà vườn yên tâm sản xuất. Thời gian qua, cũng có những đợt nhà vườn không thể tiêu thụ được do không có đầu ra hoặc giá thu mua quá thấp không đủ chi phí sản xuất.

Có thể thấy rằng, nhà vườn đang rất cần một đầu mối có thể nắm bắt thị trường nhanh nhất, hiểu rõ nhu cầu để lên kế hoạch và hướng dẫn nông dân sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường nhất. Và HTX là hình thức phù hợp và ưu việt nhất.

Tham gia Hợp tác xã, nhà vườn có điều kiện áp dụng cơ giới hóa sản xuất, tiếp cận nguồn vật tư đầu vào (cây giống, phân bón, thuốc BVTV,...) đảm bảo chất lượng từ các doanh nghiệp sản xuất hoặc nhập khẩu, giảm bớt khâu trung gian, giúp giảm chi phí sản xuất. HTX xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức hoạt động sản xuất theo quy trình sản xuất chung, quản lý về chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, nhờ đó nhà vườn mới có khả năng có thể cung cấp sản phẩm đủ lớn về số lượng, đồng đều về kích cỡ, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo an toàn, chất lượng, kịp thời gian cho nhiều đối tác. HTX xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể, tiến đến xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nhằm gia tăng giá trị, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Để giải quyết đầu ra cho cây chuối cần thiết phải xây dựng liên kết chặt chẽ giữa những nhà vườn, HTX với doanh nghiệp tiêu thụ. Mỗi liên kết này về bản chất là xây dựng kênh tiêu thụ mới trong chuỗi giá trị, loại bỏ bớt tác nhân trung gian giữa người sản xuất và doanh nghiệp, rút ngắn độ dài của kênh tiêu thụ. Thông

qua hợp đồng bao tiêu sản phẩm giúp tăng cường sức mạnh cạnh tranh và nâng cao thu nhập cho tất cả các thành viên.

Vì vậy, có thể thấy rằng việc xây dựng kế hoạch liên kết và tiêu thụ sản phẩm sẽ giúp người nông dân sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đạt các chứng nhận để sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường. Doanh nghiệp được đảm bảo nguồn nguyên liệu, ổn định sản xuất và kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu chuối. Việc liên kết chặt chẽ giữa nông dân, Hợp tác xã và doanh nghiệp sẽ tạo ra giá trị san sẻ lợi nhuận để tiếp tục đầu tư, phát triển bền vững cho cây chuối ở xã Phú Vinh.

#### **4.4. Cơ hội mà liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn tạo ra cho các thành phần tham gia kế hoạch liên kết**

Thực hiện Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, những năm qua, tỉnh Đồng Nai đã đẩy mạnh xây dựng và phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản. Sự liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà: Nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp và nhà nông, trong đó nhà nông thông qua tổ chức đại diện là Hợp tác xã để cùng phối hợp và tìm ra những giải pháp đồng bộ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ; nhằm tăng năng suất, sản lượng, tăng sức cạnh tranh, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên tham gia liên kết, đặc biệt là nhà vườn.

- Đối với HTX: HTX là nòng cốt, chủ trì liên kết, hình thành vùng nguyên liệu tập trung và cánh đồng lớn, giúp khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. HTX tổ chức liên kết sản xuất chuối theo quy trình canh tác tiên tiến thực hiện đạt chứng nhận VietGAP đáp ứng được tiêu chuẩn, giám sát tại vùng trồng, đảm bảo tạo ra sản phẩm đồng đều, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, tạo uy tín và thương hiệu trên thị trường. HTX kết nối, ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào như cây giống, phân bón, thuốc BVTV, và vật tư sản xuất khác với các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu nhằm giảm bớt khâu trung gian và chi phí sản xuất. Đồng thời thông qua kế hoạch liên kết, HTX thay mặt nhà vườn thỏa

thuận giá cả có lợi nhất thông qua hợp đồng liên kết, ký kết các hợp đồng tiêu thụ đầu ra, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, giảm thiểu rủi ro thị trường và đảm bảo lợi nhuận, ngay cả khi giá cả có biến động. HTX cũng được nhận sự hỗ trợ từ chính sách ưu đãi của doanh nghiệp và chính sách của tỉnh. Được hỗ trợ chi phí thiết kế nhãn hiệu, bao bì sản phẩm (24 triệu đồng); hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP.

- Đối với nhà vườn: Khi tham gia kế hoạch liên kết, nhà vườn được tiếp cận nguồn vốn, được sử dụng vật tư đầu vào (phân bón, thuốc BVTV) đảm bảo chất lượng với giá cả ưu đãi giúp giảm chi phí sản xuất. Là thành viên của HTX, nhà vườn tham dự các khóa tập huấn và tư vấn kỹ thuật và chuyển giao khoa học kỹ thuật, giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Được hỗ trợ vật tư trong 03 năm, 9 triệu đồng/ha/năm; hỗ trợ 100% chi phí tham gia các lớp tập huấn sản xuất VietGAP. Nhà vườn cập nhật thông tin giá cả liên tục thông qua HTX, được doanh nghiệp thu mua theo hợp đồng ký kết, bao tiêu sản phẩm đầu ra với giá cả hợp lý. Từ đó, nhà vườn sẽ được ổn định đầu ra, nâng cao thu nhập, tạo điều kiện phát triển bền vững cây chuối và cải thiện cuộc sống.

- Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu ổn định, bảo đảm chất lượng phục vụ cho sản xuất, bảo đảm yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Liên kết giúp rút ngắn chuỗi cung ứng, giảm chi phí trung gian và chi phí thu mua. Doanh nghiệp có thể xây dựng thương hiệu sản phẩm chất lượng cao, tăng cường khả năng cạnh tranh và tạo uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp được vay vốn phục vụ kế hoạch liên kết với lãi suất ưu đãi, được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

#### **4.5. Sự hình thành HTX để thực hiện liên kết sản xuất**

Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân thành lập ngày 28/09/2016 tại địa chỉ số 147, KDC 5, ấp 7, Xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai. HTX có lĩnh vực hoạt động chính là liên kết sản xuất cây ăn trái, cung cấp các dịch vụ dành cho sản xuất nông nghiệp và kinh doanh nông sản. HTX được thành lập nhằm tiếp nhận tiến bộ khoa học công nghệ từ các chương trình hỗ trợ phát triển của nhà nước, đào tạo, tập huấn,

chuyên giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông và thực hiện các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ, thông tin thị trường cho thành viên và xây dựng cánh đồng lớn tạo vùng nguyên liệu tập trung cho sản phẩm chuối đáp ứng nguồn hàng phục vụ xuất khẩu. Hiện nay HTX có tổng số 46 thành viên tham gia sản xuất chuối với tổng diện tích 84,1ha. HTX thực hiện tổ chức sản xuất cho các nhà vườn thành viên theo hệ thống canh tác GAP, tuân thủ tiêu chuẩn sản phẩm, đảm bảo về sản lượng, đồng đều về chất lượng, mẫu mã và an toàn vệ sinh thực phẩm theo yêu cầu của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. HTX sẽ mở rộng thêm các dịch vụ về cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ và thu mua sản phẩm nhằm giảm thiểu các khâu trung gian, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho các thành viên HTX.

HTX đóng vai trò là điểm mấu chốt quan trọng kết nối giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm. Tuy nhiên, sự liên kết giữa nông dân, Hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu vẫn còn thiếu tính bền vững. Vì vậy kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng liên kết là hướng đi đúng để HTX phát triển tốt.

#### **4.6. Ý kiến của đơn vị tiêu thụ về yêu cầu tiêu chuẩn chuối**

- Sản phẩm cần có tính ổn định cao về số lượng, độ đồng đều, kích cỡ, trọng lượng và chất lượng sản phẩm.
- Quản lý thuốc BVTV hợp lý, sử dụng đúng thuốc BVTV được phép sử dụng trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam, đảm bảo thời gian cách ly.
- Chuối phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu là tiêu chuẩn VietGAP.
- Truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.
- Có mã vùng trồng (PUC-Production Unit Code) còn hiệu lực.

#### **4.7. Những thuận lợi khó khăn trong sản xuất tiêu thụ**

##### **a) Thuận lợi:**

-Tại xã Phú Vinh, cây chuối được xác định là sản phẩm nông nghiệp chủ lực, với diện tích trồng chuối cây mô khoảng 1.300 ha và đã được quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn 2025–2030. Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp



cùng với kinh nghiệm canh tác lâu năm của nông dân địa phương tạo nền tảng thuận lợi cho việc phát triển cây chuối theo hướng hàng hóa.

- Hiện nay, HTX Nông nghiệp Phú Tân có 46 thành viên sản xuất chuối với tổng diện tích 84,1ha. Đây là cơ sở quan trọng để HTX tổ chức sản xuất quy mô lớn, triển khai mô hình trồng chuối theo tiêu chuẩn VietGAP, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đảm bảo khả năng cung ứng ổn định cho các đơn hàng lớn từ doanh nghiệp tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, HTX tận dụng hiệu quả nguồn lao động tại chỗ có kỹ thuật và giàu kinh nghiệm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển chuỗi giá trị ngành hàng chuối tại địa phương.

- HTX đi vào hoạt động được sự quan tâm, hỗ trợ đặc lực của địa phương và các ban ngành. Chính quyền địa phương tích cực hỗ trợ nông dân chuyên môn hóa sản xuất, tập huấn, chuyển giao quy trình sản xuất an toàn đạt tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng các mô hình, dự án cánh đồng lớn cây chuối để tối ưu hóa sản xuất và liên kết tiêu thụ. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đã giúp doanh nghiệp, Hợp tác xã định hướng đúng trên con đường phát triển, giúp các đơn vị này thêm lòng tin và tạo sức mạnh phấn đấu quyết tâm xây dựng kế hoạch liên kết và Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Ngoài ra, xã Phú Vinh gần Đường tỉnh 761, một tuyến đường quan trọng giúp dễ dàng di chuyển hàng hóa nông sản đến các thị trường tiêu thụ lớn như TP Biên Hòa và các khu công nghiệp, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, vận chuyển nông sản và thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

**b) Khó khăn:**

- Tuy diện tích trồng chuối ngày càng mở rộng, nhưng nông dân thường tự phát trồng chuối theo quy mô nhỏ, mỗi hộ tự sản xuất theo kinh nghiệm của mình, chưa không tuân theo quy trình chung của địa phương. Trình độ nhà vườn không đồng đều, việc tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật mới còn hạn chế, nhà vườn chưa quan tâm đến việc sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng GAP. Vì vậy sản phẩm đầu ra không đủ sản lượng sản phẩm chất lượng tốt, đồng đều đáp ứng yêu cầu về kích thước, mẫu mã, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo yêu cầu của thị trường.

- Dưới áp lực của biến đổi khí hậu, hiện nay diễn biến dịch hại trên cây chuối ngày càng phức tạp cùng với rủi ro về nguồn vật tư đầu vào như phân bón, thuốc BVTV kém chất lượng, giá cả leo thang đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất, chất lượng và chi phí sản xuất.

- Hiện nay, dân đói mặt với rủi ro với tình trạng thiếu ổn định về đầu ra và giá cả sản phẩm chuối tươi. Nguyên nhân là việc tiêu thụ sản phẩm chủ yếu vẫn thông qua hệ thống thương lái, dẫn đến tình trạng nông dân thường bị ép giá, khiến thu nhập từ sản xuất chuối thiếu ổn định và bấp bênh. Bên cạnh đó, diện tích chuối tăng nhanh cũng với tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn khó khăn, sức tiêu dùng sẽ giảm cũng là thách thức không nhỏ cho xuất khẩu nông sản nói chung, cho trái chuối tươi nói riêng.

- Chất lượng hàng hóa chưa đồng đều và ổn định về chất lượng, nhiều lô hàng xuất khẩu chưa đạt tiêu chuẩn nhập khẩu. Xuất khẩu chuối bị cảnh báo do dư lượng thuốc BVTV vượt ngưỡng, không đạt độ chín theo yêu cầu, vi phạm quy định mã vùng trồng và cơ sở đóng gói, bao bì, nhãn mác không đúng chuẩn, phương thức đóng gói làm dập nát quả, thiếu hoặc sai chứng từ, và không kiểm soát nhiệt độ container lạnh.

- Trong thời gian qua, thị trường tiêu thụ chuối chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc nên gây rủi ro cao cho đầu ra sản phẩm. Nếu Trung Quốc giảm nhập khẩu nông dân sẽ bị thiệt hại nặng nề do giá giảm sâu và không bán được sản phẩm.

Lý do chủ yếu khiến xuất hiện những hạn chế trên là do thiếu một tổ chức đại diện nhà vườn đủ năng lực điều phối và kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất cũng như đàm phán tiêu thụ với doanh nghiệp. Các thành viên HTX còn gặp khó khăn trong việc thống nhất phương hướng sản xuất, kinh doanh chung của HTX do chưa quen với hình thức hợp tác tập thể.

**Các căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch liên kết và tiêu thụ sản phẩm chuỗi:**

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 sửa đổi thông tư 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

**5. Địa điểm thực hiện kế hoạch liên kết**

- Địa bàn triển khai: xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai.

- Diện tích đăng ký thực hiện kế hoạch liên kết: 84,1ha.

## II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

**1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:** Chuối.

**2. Quy mô liên kết:**

- Diện tích: 84,1ha.
- Số hộ tham gia: 46 thành viên (*có danh sách kèm theo tại phụ lục*).
- Thời gian: 05 năm (từ tháng 10/2025 đến tháng 09/2030).

**3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:**

- Áp dụng quy trình sản xuất cây chuối (Quy trình 37) được ban hành theo Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy trình sản xuất cây trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây chuối thích ứng với biến đổi khí hậu do Bộ Nông nghiệp và PTNT biên soạn và ban hành năm 2021.

- Tiêu chuẩn VietGAP (TCVN 11892-1:2017).

Bảng 1. Tóm tắt công việc chính thực hiện VietGAP cho sản phẩm chuối đạt chứng nhận VietGAP

Stt	Công việc thực hiện
1	Công việc 1: Khảo sát vườn chuối của các thành viên HTX đăng ký tham gia kế hoạch liên kết và chọn nhân sự điều hành hệ thống quản lý chất lượng cho HTX theo VietGAP
2	Công việc 2: Xây dựng, biên soạn hệ thống tài liệu hồ sơ VietGAP <ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng, quy trình kiểm soát phù hợp với tiêu chuẩn VietGAP và các qui định hiện hành của Nhà nước cho hệ thống điều hành của HTX</li></ul>
3	Công việc 3: Tập huấn và hướng dẫn nhà vườn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP <ul style="list-style-type: none"><li>- Tập huấn cho ban điều hành HTX về hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn VietGAP và cách theo dõi nhà vườn, lập và lưu trữ hồ sơ VietGAP của các thành viên HTX</li></ul>

Stt	Công việc thực hiện
	- Tập huấn cho các thành viên HTX về tiêu chuẩn VietGAP, các qui định, qui trình canh tác theo VietGAP
	- Vẽ sơ đồ tổng thể vùng sản xuất chuối VietGAP, sơ đồ từng vườn sản xuất, biên cảnh bảo, bảng chỉ dẫn
	- Hướng dẫn nhà vườn xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu của VietGAP
	- Hướng dẫn các nhà vườn áp dụng các qui trình, qui định VietGAP, các loại biểu mẫu để quản lý sản xuất (ghi chép nhật ký sản xuất, quản lý hồ sơ, lập và lưu hồ sơ nhà vườn)
	- Lấy mẫu đất, nước và phân tích hàm lượng kim loại nặng theo yêu cầu VietGAP
4	Công việc 4. Hướng dẫn nhà vườn kỹ thuật chăm sóc chuối theo tiêu chuẩn VietGAP
5	Công việc 5. Đánh giá nội bộ và kiểm tra nội bộ
6	Công việc 6. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận VietGAP - Lựa chọn tổ chức chứng nhận, lập hồ sơ đăng ký chứng nhận - Hướng dẫn HTX khắc phục lỗi sau khi tổ chức chứng nhận đến đánh giá chứng nhận và lập báo cáo khắc phục lỗi.

\* Phân tích mẫu:

- Phân tích mẫu đất, nước (5ha lấy 1 mẫu phân tích).

+ Mẫu đất trồng: Lấy mẫu theo quy chuẩn QCVN 03:2023/BTNMT về chất lượng đất trồng. Số lượng là 18 mẫu. Phân tích chỉ tiêu: Chì (Pb), Cadimi (Cd), Ascen (As) và thủy ngân (Hg).

+ Mẫu nước tưới: Lấy mẫu theo Quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT về chất lượng nước mặt hoặc QCVN 09:2023/BTNMT về chất lượng nước ngầm. Số lượng là 18 mẫu. Phân tích chỉ tiêu: Chì (Pb), Cadimi (Cd), Ascen (As) và thủy ngân (Hg).

\* Tập huấn cho nhà vườn tham gia liên kết:

- (1) Quy trình canh tác chuỗi theo tiêu chuẩn VietGAP;
- (2) Thiết lập sơ đồ vườn, bố trí kho phân, thuốc BVTV, kho dụng cụ;
- (3) Sử dụng an toàn và hiệu quả thuốc BVTV (Quy trình phòng trừ IPM);
- (4) Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế;
- (5) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động và sơ cấp cứu;
- (6) Các bước thực hiện theo chuẩn VietGAP;
- (7) Hướng dẫn nhà vườn thanh tra nội bộ;
- (8) Ghi chép hồ sơ và một số công việc khác liên quan đến đảm bảo

ATVSTP.

\* Mô hình được thực hiện tuân thủ các yêu cầu trong sản xuất theo chuẩn VietGAP (TCVN 11892-1:2017) gồm có 64 tiêu chí và các nội dung chính sau:

- Yêu cầu chung: Nhà vườn được tập huấn; Cơ sở vật chất đúng yêu cầu VietGAP; Quy trình sản xuất (kỹ thuật trồng, chăm sóc chuỗi); Ghi chép và lưu trữ hồ sơ; Quản lý sản phẩm và truy nguyên nguồn gốc; Điều kiện làm việc và vệ sinh cá nhân; Khiếu nại và giải quyết khiếu nại; Kiểm tra nội bộ.

- Yêu cầu đối với sản xuất: Đánh giá lựa chọn khu vực sản xuất để thực hiện VietGAP; vấn đề về quản lý và sử dụng đất, nước và vật tư đầu vào; Bảo vệ tài nguyên đất; Bảo vệ tài nguyên nước; Giống; Quản lý và sử dụng phân bón và chất bổ sung; quản lý và sử dụng thuốc BVTV và hóa chất; Thu hoạch, sơ chế bảo quản và vận chuyển sản phẩm; Quản lý rác thải, chất thải; Người lao động.

### **3.3. Tập huấn chuyển giao qui trình VietGAP và hướng dẫn HTX thực hiện**

\* Tập huấn cho các thành viên HTX:

- (1) Quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch chuỗi;
- (2) Sử dụng an toàn và hiệu quả thuốc BVTV (Quy trình phòng trừ IPM);
- (3) Tiêu chuẩn chung của VietGAP;
- (4) Thiết lập sơ đồ vị trí khu vực sản xuất, hướng dẫn xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP;

(5) Hướng dẫn Ghi chép nhật ký sản xuất, lưu trữ hồ sơ và một số công việc khác liên quan đến đảm bảo ATVSTP;

(6) Hướng dẫn thanh tra nội bộ;

(7) Hướng dẫn sơ cấp cứu, an toàn lao động trong sản xuất.

### **3.4. Xây dựng nhãn hiệu và bao bì sản phẩm chuỗi cho HTX**

- Thiết kế logo nhãn hiệu và đăng ký nhãn hiệu với Cục sở hữu trí tuệ.
- Thiết kế bao bì sản phẩm.

## **4. Hình thức liên kết**

Hình thức liên kết: Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

### **4.1. Hình thức liên kết giữa chủ trì liên kết với thành viên HTX tham gia kế hoạch liên kết (liên kết sản xuất)**

Ngày nay sản xuất nông nghiệp không còn phù hợp với hiện trạng sản xuất phân tán, nhỏ lẻ do những hạn chế về hiệu quả, khả năng cạnh tranh và tính bền vững, thúc đẩy sự chuyển dịch sang sản xuất quy mô lớn, tập trung và hiện đại hóa. Sản xuất nông nghiệp hiện đại cần phải chuyển hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng hiện đại tạo ra sản phẩm phù hợp thị hiếu người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Vì vậy các nhà vườn cần liên kết để cùng tham gia vào nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Mỗi liên kết giữa những nhà vườn với nhau là mỗi liên kết ngang, được hình thành và phát triển trong loại hình HTX; làm tăng quy mô sản xuất tạo ra các vùng chuyên canh quy mô lớn, sản phẩm đồng đều, và các thành viên tham gia liên kết cùng nhau thực hiện tất cả quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ. Mô hình này là thiết yếu để đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng, đồng thời là một phần quan trọng của chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững, hiện đại.

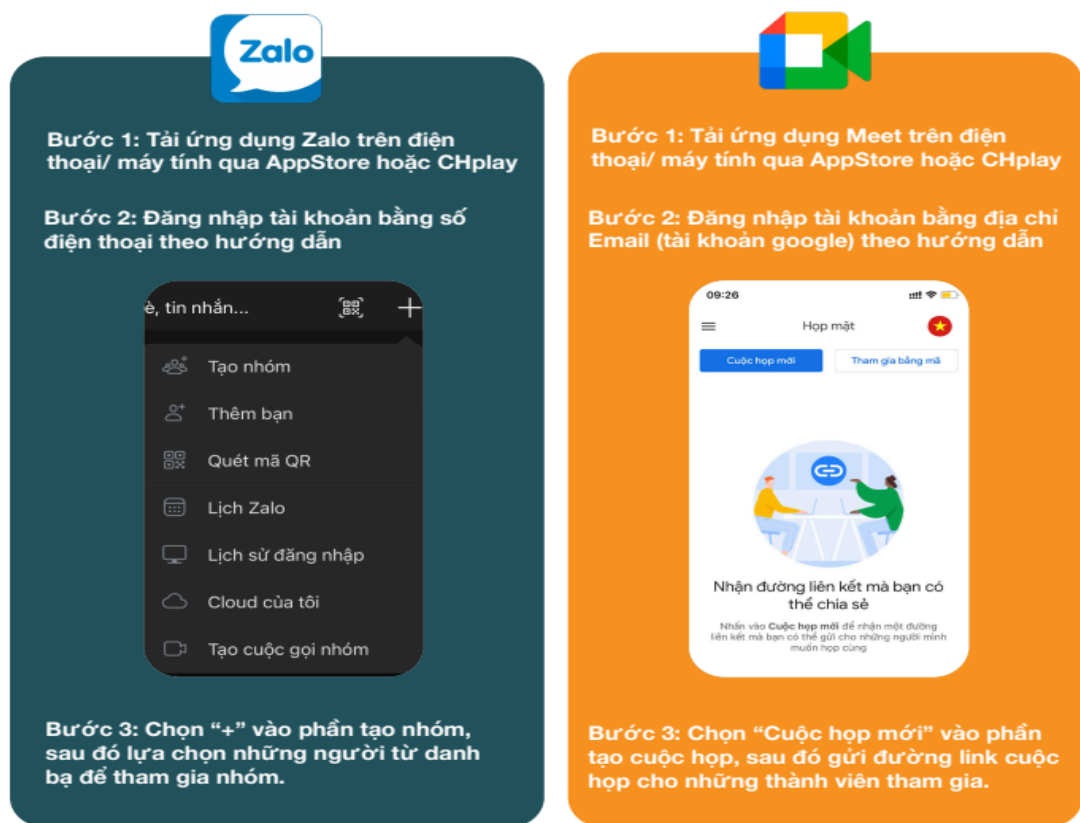
Mỗi liên kết ngang hình thành giữa các thành viên trồng cây chuỗi trên địa bàn xã Phú Vinh trong kế hoạch liên kết này thể hiện ở việc các thành viên của

HTX bón cùng các loại phân, thuốc BVTV theo quy trình đã thống nhất, đảm bảo yêu cầu VietGAP, đảm bảo sản lượng sản phẩm khi cung cấp trên thị trường.

- Hồ sơ năng lực của Hợp tác xã cần tập trung các nội dung sau:



- Ứng dụng công nghệ thông tin (Zalo/ Meet Google...) trong việc quản lý, điều hành của HTX:





- Các dịch vụ của HTX có thể triển khai thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh:



- Lợi ích của các thành viên khi tham gia HTX:

Là những sản phẩm, dịch vụ được mua chung, bán chung thường xuyên, ổn định từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của thành viên HTX.

#### Lợi ích thông qua HTX

1

Giảm giá thành sản xuất

2

Giảm chi phí đầu vào

3

Kiểm soát chất lượng

4

Nâng cao năng lực quản lý

#### Một số dịch vụ cung ứng tập trung thông qua HTX

<input type="checkbox"/>	Vật tư đầu vào	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Cơ giới hóa	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Dịch vụ thủy lợi	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Thu hoạch	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Bảo quản	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Sơ chế, chế biến	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Tín dụng nội bộ	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Tạo việc làm	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	Tiêu thụ sản phẩm	<input type="checkbox"/>

## ◆ Phát triển thành viên liên kết



Vận động nông dân trở thành thành viên liên kết



Hướng dẫn sản xuất cho thành viên liên kết



Tổ chức cung ứng dịch vụ cho thành viên liên kết



Ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho thành viên liên kết

## ◆ Liên kết giữa các HTX trong khu vực



Khảo sát, xác định nhu cầu liên kết



Thương thảo, xác định nội dung liên kết



Ký kết biên bản ghi nhớ, hợp đồng liên kết



Tổ chức thực hiện

## ◆ Hợp tác giữa các HTX để đầu tư hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến



Khảo sát, xác định nhu cầu hợp tác đầu tư



Thương thảo, xác định nội dung hợp tác đầu tư



Ký kết hợp đồng hợp tác, biên bản ghi nhớ



Tổ chức thực hiện

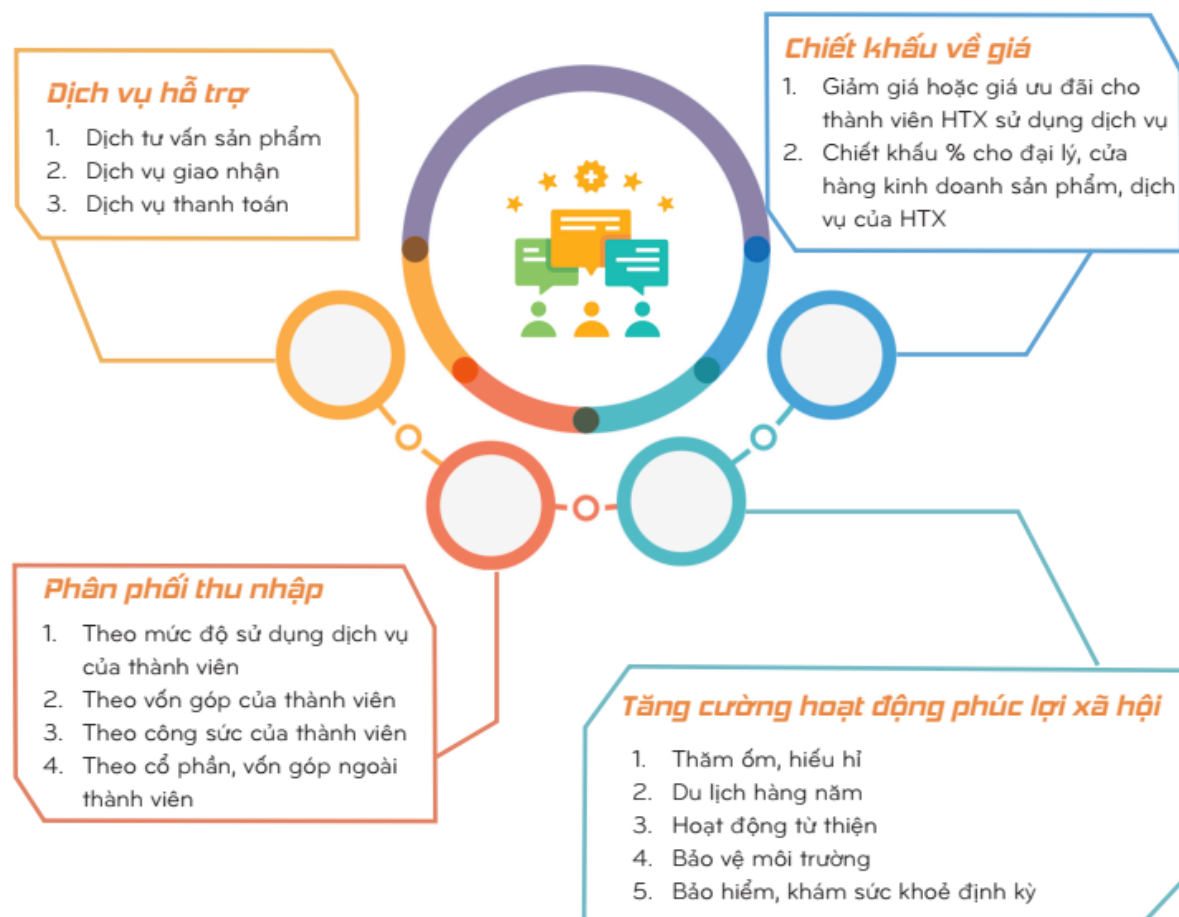
- 7 bước để xây dựng kế hoạch kinh doanh cho HTX:



- 7 bước để thực hiện các dịch vụ cung ứng tập trung cho HTX:



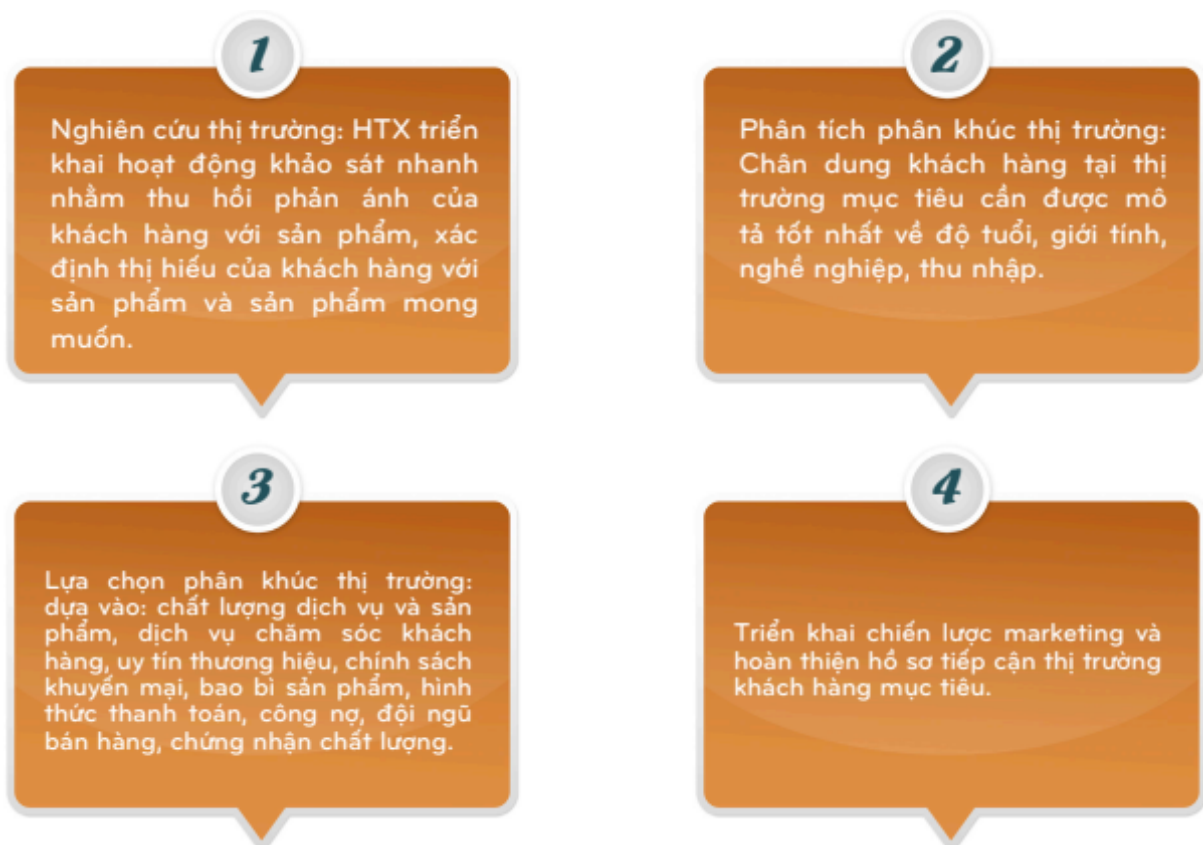
- Một số nội dung cần lưu ý để giúp HTX quản trị hiệu quả:



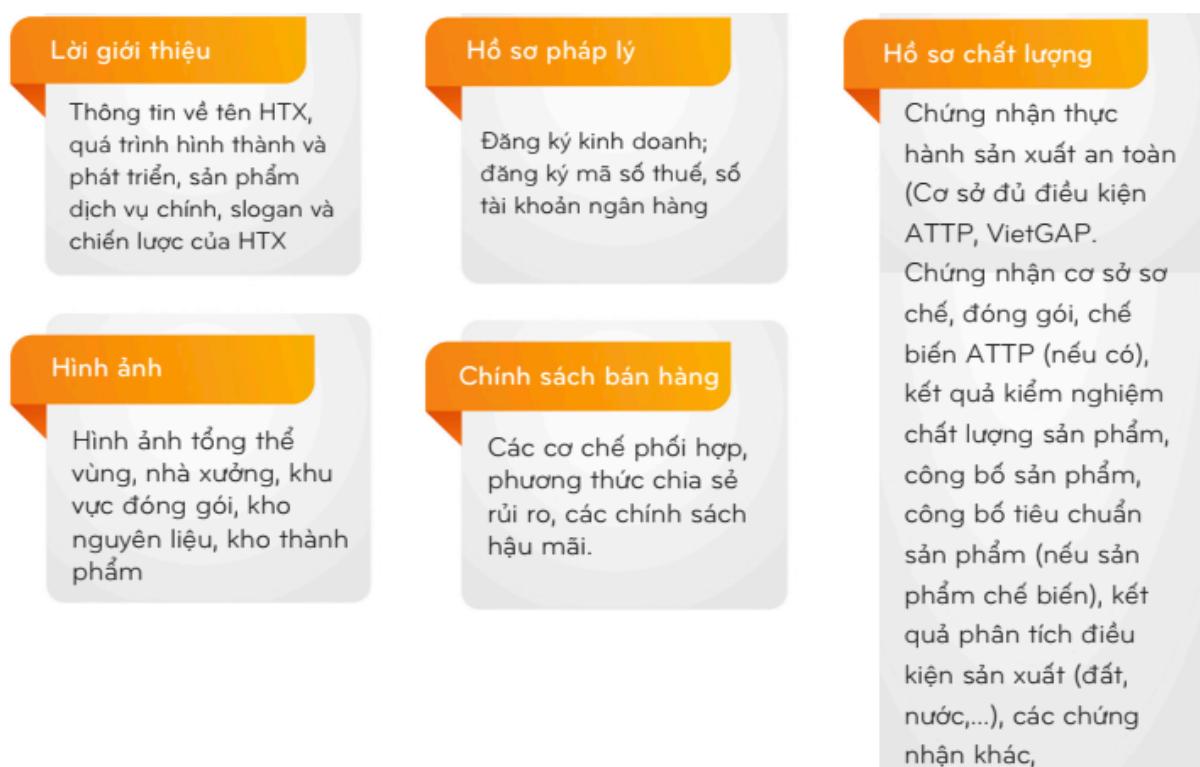
#### 4.2. Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm với HTX (liên kết tiêu thụ sản phẩm)

- HTX cập nhật thường xuyên tình hình phát triển của trái chuối ở các vườn của các thành viên HTX, ghi nhận thời điểm thu hoạch, sản lượng thu hoạch. Sau đó HTX sẽ tổng hợp và thông báo cho đơn vị liên kết thu mua sản phẩm.

- HTX phân tích nhu cầu của thị trường để xác định khách hàng, thị trường mục tiêu: Thị trường mục tiêu là phân khúc chứa một tỷ lệ lớn khách hàng tiềm năng, phù hợp với sản phẩm của HTX.



- HTX luôn chủ động, sẵn sàng bộ hồ sơ năng lực tốt nhất để giới thiệu cho các khách hàng, đối tác:



Trường hợp ví dụ: Hồ sơ sản phẩm của HTX giới thiệu vào hệ thống siêu thị GO (BigC) như sau:



## 5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết.

### 5.1 Trách nhiệm và quyền lợi của HTX

#### \* Trách nhiệm

- Xây dựng nội dung và kinh phí thực hiện của kế hoạch liên kết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (UBND xã Phú Vinh và Liên minh HTX Đồng Nai).
- Thực hiện các nội dung trong kế hoạch liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm chuỗi trên địa bàn xã Phú Vinh sau khi kế hoạch được phê duyệt.
- Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí chi tiết của năm tiếp theo gửi về Phòng Kinh tế xã Phú Vinh, UBND xã Phú Vinh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.
- Thỏa thuận với các thành viên HTX về các thời điểm thu hoạch nhằm đảm bảo số lượng sản phẩm cung ứng theo yêu cầu của đơn vị tiêu thụ.
- HTX ký hợp đồng với đơn vị tư vấn, xây dựng kế hoạch liên kết, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn quy trình sản xuất chuỗi theo tiêu chuẩn VietGAP.
- HTX thực hiện công tác BVTV chung cho các thành viên tham gia kế hoạch liên kết.

- HTX ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trái chuối của nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết.

- Tổ chức thu mua sản phẩm chuối đạt yêu cầu VietGAP của các thành viên tham gia kế hoạch liên kết theo hợp đồng đã ký kết.

**\* Quyền lợi:**

- Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn.

- Được hỗ trợ chi phí thiết kế logo, bao bì sản phẩm, 3 mẫu bao bì, chi phí 8 triệu đồng/mẫu thiết kế.

- Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP.

- Hỗ trợ 9.000.000đồng/ha/năm và hỗ trợ trong 3 năm.

## **5.2. Trách nhiệm và quyền lợi của nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết**

**\* Trách nhiệm:**

- Đăng ký tham gia Kế hoạch liên kết với tinh thần tự nguyện;
- Ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với HTX;
- Ký kết hợp đồng mua bán vật tư phục vụ sản xuất với HTX và đơn vị cung cấp vật tư;

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo qui trình sản xuất chuối theo tiêu chuẩn VietGAP nhằm đảm bảo nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chuối.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của đơn vị tư vấn hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất chuối VietGAP.

- Tuân thủ kế hoạch sản xuất, đảm bảo thời gian thu hoạch sản phẩm theo kế hoạch đã thống nhất với HTX;

- Bán tất cả sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP cho HTX theo diện tích và sản lượng đã đăng ký tham gia kế hoạch liên kết.

**\* Quyền lợi:**

- + Được tham gia tập huấn, đào tạo quy trình sản xuất chuối theo tiêu chuẩn VietGAP.

- + Được đào tạo thực hành nông nghiệp tốt - VietGAP.
- + Được hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống tưới nước tiết kiệm (01 lần đổi với phần diện tích chưa được hỗ trợ).
- Được hỗ trợ vật tư trong 03 năm, 9 triệu đồng/ha/năm.
- + Được đảm bảo đầu ra cho sản phẩm. Được thông tin về giá cả, thị trường thường xuyên một cách công khai và minh bạch.

### **5.3. Trách nhiệm và quyền lợi của đơn vị thu mua sản phẩm**

#### **\* Trách nhiệm:**

- + Thu mua tất cả sản lượng chuối đạt tiêu chuẩn của HTX theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng thỏa thuận hợp tác đính kèm theo kế hoạch liên kết.

#### **\* Quyền lợi:**

- + Có vùng nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng, chủ động nguồn hàng chuối xuất khẩu
- + Được ưu tiên tổ chức thu mua tất cả sản phẩm chuối của kế hoạch liên kết;
- + Được hỗ trợ để thực hiện các nội dung liên quan đến hợp đồng đã ký theo đúng quy định pháp luật.

### **5.4. Vai trò của chính quyền địa phương trong việc xây dựng, duy trì và phát triển kế hoạch liên kết**

- Liên minh HTX tỉnh bố trí ngân sách nhà nước hỗ trợ HTX Nông nghiệp Phú Tân thực hiện Kế hoạch liên kết.
- Đôn đốc, hỗ trợ HTX Nông nghiệp Phú Tân, các ngành liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch liên kết trên địa bàn.
- Kiểm tra, giám sát quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng giữa HTX Nông nghiệp Phú Tân và hộ nông dân thành viên. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các bên thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền lợi của mình theo hợp đồng đã ký.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho HTX Nông nghiệp Phú Tân thực hiện đầu tư, thu mua hết sản phẩm điều của nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết theo hợp đồng đã ký.



- Phối hợp với đơn vị tư vấn để tổ chức tập huấn, đào tạo về kỹ thuật, quản lý và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trên địa bàn.

- Tham gia giải quyết các trường hợp vi phạm Hợp đồng trong quá trình thực hiện kế hoạch liên kết.

### **5.5. Xử lý vi phạm**

Các bên tham gia liên kết vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý theo nội dung, điều khoản thỏa thuận về xử lý vi phạm hợp đồng được thể hiện trong hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thuộc kế hoạch liên kết cánh đồng lớn.

Hộ nhà vườn đã nhận hỗ trợ theo quy định nhưng vi phạm hợp đồng liên kết đã ký với HTX mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi các khoản hỗ trợ trong năm vi phạm và không được xét hỗ trợ ở năm tiếp theo.

- Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để xử lý vi phạm như sau (trích Điều 15 của Nghị định 98/2018/NĐ-CP: Xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và kế hoạch liên kết):

+ Khoản 1 Điều 15: Các bên tham gia liên kết không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết và trách nhiệm (trừ các trường hợp bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh) khi thực hiện liên kết được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì:

Điểm a: Không được hưởng các khoản ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước, bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành và buộc phải bồi thường cho bên bị thiệt hại;

Điểm b: Không được tham gia được hưởng các chính sách khuyến khích của Nhà nước về liên kết trong thời gian 05 năm kể từ thời điểm xác định là vi phạm.

+ Khoản 2 Điều 15: Các bên tham gia liên kết vi phạm các quy định trong hợp đồng liên kết bị xử lý theo các hình thức sau:

Điểm a: Buộc thực hiện đúng hợp đồng liên kết sau khi 2 bên đã đồng ý ký kết Hợp đồng

Điểm b: Phạt vi phạm hợp đồng liên kết;

Điểm c: Tạm ngừng thực hiện hợp đồng liên kết;

Điểm d: Đình chỉ thực hiện hợp đồng liên kết;

Điểm đ: Hủy bỏ hợp đồng liên kết;

Điểm e: Buộc bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan;

Điểm g: Các biện pháp khác do các bên tham gia liên kết thỏa thuận không trái với quy định pháp luật hiện hành.

+ Khoản 3 Điều 15: Hình thức xử lý các tranh chấp hợp đồng liên kết: Nhà nước khuyến khích các hình thức giải quyết tranh chấp của các bên tham gia liên kết bằng hình thức thương lượng và hòa giải. Trường hợp không thống nhất được thì giải quyết thông qua trọng tài thương mại hoặc giải quyết tại tòa án.

## **6. Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm kế hoạch liên kết**

### **6.1. Thị trường cho sản phẩm chuối của kế hoạch liên kết**

Chuối là loại trái cây nhiệt đới được tiêu thụ rộng rãi trên thế giới, không những nhờ vào giá trị dinh dưỡng mà còn bởi tính tiện dụng và giá thành hợp lý của nó. Theo Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO), thương mại chuối toàn cầu trong nhiều năm qua duy trì quanh mức 20 triệu tấn mỗi năm, phản ánh sự ổn định đặc biệt so với các loại trái cây nhiệt đới khác. Chuối không chỉ mang lại giá trị kinh tế lớn mà còn đóng vai trò quan trọng trong sinh kế của hàng triệu nông hộ nhỏ tại các quốc gia đang phát triển, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện thu nhập cho nông dân ở nhiều nước Mỹ Latinh, châu Phi và châu Á. Báo cáo năm 2025 từ ITC Trademap cho thấy, hiện nay chuối đã trở thành mặt hàng thương mại quan trọng trong ngành nông sản toàn cầu với tổng giá trị nhập khẩu toàn cầu năm 2024 lên tới 17,3 tỷ USD.

Tại Việt Nam, chuối là loại cây ăn quả có diện tích trồng lớn nhất, phân bố rộng khắp ở tất cả các tỉnh thành. Năm 2025 Việt Nam có khoảng 161,1 nghìn ha diện tích trồng chuối với năng suất bình quân khoảng 20-25 tấn/ha. Trong đó, Đồng Nai là tỉnh có diện tích trồng chuối đứng đầu cả nước với những vùng chuyên canh tập trung quy mô lớn, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất và cho năng suất, chất lượng cao. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu chuối của Việt Nam năm 2024 đạt 380 triệu USD, tương đương 2,5% tổng giá trị thương

mại ngành chuối toàn cầu (15,3 tỷ USD), tăng 20% so với năm 2023. Chuối và sản phẩm chuối của Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN (Malaysia, Singapore), EU và Trung Đông.

Hiện nay Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chuối lớn nhất và quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc, năm 2024 nước này nhập khẩu 1,69 triệu tấn chuối, trị giá 907,7 triệu USD. Việt Nam xuất khẩu gần 625 nghìn tấn chuối sang thị trường Trung Quốc chiếm gần 50% thị phần, tăng 23,7% so với năm 2023. Lần đầu tiên sau 10 năm, nước ta vượt qua Philippines trở thành nhà cung cấp chuối lớn nhất cho thị trường này.

Theo thống kê thương mại của Nhật Bản, nước này nhập 33 nghìn tấn chuối từ Việt Nam trong năm 2024, tăng gần gấp 14 lần so với năm 2019. Dù thị phần tại Nhật Bản mới chỉ đạt gần 3,3%, nhưng mức tăng trưởng này vẫn được xem là ấn tượng, thách thức vị thế thống trị của chuối Philippines trong nhiều thập kỷ qua.

\* Tiêu chuẩn trái chuối xuất khẩu trên thị trường quốc tế:

- Hình dạng bên ngoài: Quả chuối phải nguyên vẹn, phát triển tự nhiên, không dập, gãy, thối. Vỏ quả và cuống quả phải xanh tươi, khô ráo, sạch sẽ, quả không bị rám nắng, rám muối, thâm đen và dính nhựa.

- Độ chín: Chuối phải đạt độ chín thu hoạch (có độ già 75 – 85%) biểu hiện cụ thể là:

- + Vỏ quả màu xanh lục hoặc xanh sáng
- + Cạnh quả chuối hơi tròn, nhưng còn rõ cạnh
- + Độ cứng: ấn tay không bị lún
- + Vỏ quả còn dính sát vào thịt quả và khó bóc
- + Thịt của ruột quả phải chắc, bẻ dễ gãy, có màu trắng ngà, nhựa quả phải dính và trong
- + Còn vị chát, không có mùi đặc trưng của chuối chín.

- Chỉ tiêu sâu bệnh: Chuối tươi xuất khẩu phải phù hợp với yêu cầu kiểm định của Việt Nam và không có các đối tượng sâu bệnh theo hợp đồng quy định.

- Đóng gói/vận chuyển: Chuối phải được đóng gói trong mỗi thùng theo đúng khuyến nghị theo quy tắc thực hành quốc tế về đóng gói và vận chuyển trái cây tươi và rau (CAC/ RCP 44-1995). Chuối nên được đóng gói sao cho giữ được chất lượng ngon nhất. Các vật liệu sử dụng đóng gói phải sạch và tránh gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho sản phẩm. Tem dán phải sử dụng loại mực hoặc keo không độc hại.

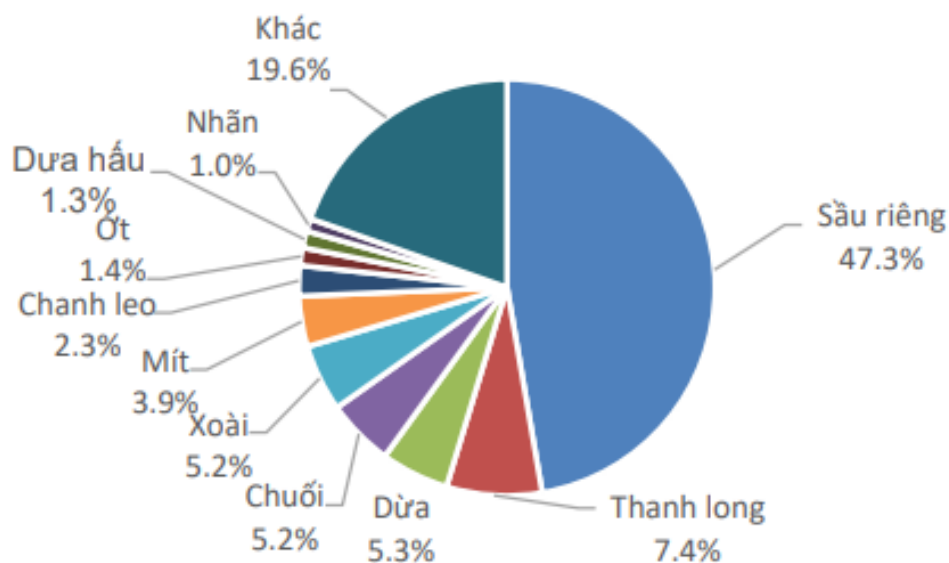
- Chuối phải tuân thủ các giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa cho phép của nước nhập khẩu.

## **6.2. Khả năng cạnh tranh của sản phẩm**

Chuối không chỉ là trái cây có sản lượng cao nhất trong nhóm cây ăn quả chủ lực mà còn là một trong những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn của ngành nông nghiệp Việt Nam. Năm 2024 giá trị xuất khẩu chuối của Việt Nam đạt 380 triệu USD, đứng thứ 3 trong nhóm trái cây xuất khẩu của Việt Nam, chỉ sau sầu riêng và thanh long. Theo số liệu của Hiệp hội Rau quả, trong 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chuối Việt Nam đạt 233 triệu USD, tăng gần 55% so với cùng kỳ năm trước, là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và châu Âu.

Năm 2024 Việt Nam vượt qua Philippines trở thành nhà cung cấp chuối lớn nhất cho Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu 907,7 triệu USD. Đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của ngành sản xuất và xuất khẩu chuối Việt Nam. Thống kê của hải quan Trung Quốc cho thấy giá chuối Việt Nam nhập khẩu trung bình trong năm 2024 là hơn 418 USD/tấn, giảm 13,5% so với năm 2023 và thấp hơn đáng kể so với các nước như Ecuador (667,6 USD/tấn) hay Campuchia (642,3 USD/tấn). Thị trường Nhật Bản cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2024. Thị phần nhập khẩu đã tăng từ 0,2% lên 3,2% với sản lượng xuất khẩu khoảng 33 nghìn tấn, tăng gần gấp 14 lần so với năm 2019. Tại thị trường Hàn Quốc, tính đến tháng 6 năm 2025, chuối là loại trái cây mang lại giá trị xuất khẩu cao nhất cho Việt Nam, vượt qua cả xoài, thanh long, dưa hấu... với kim ngạch đạt 25,4 triệu USD.

### Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu Việt Nam năm 2024



(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2024)

Yếu tố giúp chuối Việt Nam cạnh tranh với các đối thủ khác như Philippines, Ecuador,... chính là sự kết hợp giữa sự cải thiện và ổn định chất lượng, giá cả cạnh tranh do chi phí canh tác thấp và lợi thế trong việc vận chuyển nhờ khoảng cách địa lý gần các thị trường như Nhật Bản và Trung Quốc. Trong đó việc nghiên cứu và phát triển thành công giống chuối kháng bệnh héo rũ Panama (TR4) là yếu tố then chốt, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ngoài Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, hiện nay mặt hàng chuối của Việt Nam cũng đã có mặt ở nhiều thị trường khó tính như Hoa Kỳ, EU, ASEAN (Malaysia, Singapore) và Trung Đông. Do vậy, việc xuất khẩu mặt hàng này không còn là phụ thuộc vào mở rộng thị trường mà phụ thuộc vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết giá trị là giải pháp giúp chuẩn hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo nguồn cung ổn định và đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu, đặc biệt đối với những thị trường khó tính. Việc liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hợp đồng liên kết là tiền đề bảo đảm cho các chủ thể tham gia trong chuỗi giá trị cùng chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm và đầu tư có hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh ngành hàng chuối nước ta.

Xã Phú Vinh là một xã miền núi của tỉnh Đồng Nai, có diện tích trồng chuối xuất khẩu khoảng 1.300 ha. Hiện nay, mô hình trồng chuối nuôi cây mô trên địa bàn xã đang góp phần chuyển đổi cây trồng tại Phú Vinh, đồng thời nâng cao đời sống cho bà con nông dân. Địa phương này đang tiếp tục đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản. Sản phẩm chuối của HTX có lợi thế cạnh tranh cao nhờ chuỗi liên kết chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và giảm chi phí, do tận dụng điều kiện tự nhiên thuận lợi, hợp tác với chuyên gia, có sự hỗ trợ của chính quyền và giảm thiểu khâu trung gian, vận chuyển. Mô hình này giúp đảm bảo lợi ích hài hòa, tăng cường uy tín sản phẩm chuối và hướng tới sự phát triển bền vững của ngành chuối Việt Nam.

### **III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

#### **1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ**

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ từ nguồn NSNN là: **2.773.143.500 đồng**

##### **1.1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết**

- Nội dung: Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu, đánh giá hiện trạng; xây dựng kế hoạch liên kết; Hướng dẫn xây dựng hợp đồng liên kết; Hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

- Thời gian tư vấn: Từ tháng 09/2025 đến khi kế hoạch liên kết được UBND xã Phú Vinh phê duyệt.

- Dự toán chi phí: 199.025.000 đồng.

##### **1.2. Hỗ trợ vật tư sản xuất (phân bón và thuốc BVTV)**

- Hỗ trợ vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ 9,0 triệu đồng/ha/năm.

- Dự toán kinh phí hỗ trợ: 2.270.700.000 đồng.

##### **1.3. Hỗ trợ thiết kế logo, xây dựng nhãn hiệu và bao bì sản phẩm cho HTX**

+ Hỗ trợ thiết kế logo bao bì, nhãn mác sản phẩm và nhãn hiệu hàng hóa (thùng carton và nhãn hiệu hàng hóa).

+ Dự toán kinh phí hỗ trợ: 24.000.000 đồng.

##### **1.5. Hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm đồng bộ theo chuỗi**

- Nội dung:

+ Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định các vùng sản xuất tập trung, tiêu thụ sản phẩm chuỗi áp dụng VietGAP.

+ Đánh giá cấp giấy chứng nhận VietGAP cho sản phẩm chuỗi của HTX Nông nghiệp Phú Tân.

+ Dự toán chi phí hỗ trợ: 69.888.000 đồng, trong đó:

++ Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định các vùng sản xuất tập trung, tiêu thụ sản phẩm chuỗi áp dụng VietGAP: 34.168.000 đồng.

++ Chi phí đánh giá cấp chứng nhận lần đầu: 35.720.000 đồng.

### **1.6. Hỗ trợ kinh phí tập huấn, chuyển giao kỹ thuật**

- Nội dung: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về kỹ thuật trồng, chăm sóc chuỗi nuôi cấy mô; Chuyển giao kỹ thuật về phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM; Tập huấn quy trình sản xuất tiêu chuẩn VietGAP; Tập huấn quy định sử dụng thuốc BVTV an toàn; Tập huấn ghi chép nhật ký sản xuất; Tập huấn xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của VietGAP; Tập huấn Sơ cấp cứu và an toàn lao động; Tập huấn đánh giá nội bộ theo VietGAP.

- Dự toán chi phí hỗ trợ: 149.530.500 đồng.

### **1.7 Chi khác**

Chi phí thẩm định giá, văn phòng phẩm, chi phí hội họp, công tác phí, thuê xe ô tô, kiểm tra giám sát,...

- Dự toán chi phí hỗ trợ: 60.000.000 đồng.

## **2. Đối ứng của nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết**

Tổng kinh phí vốn đối ứng của nhà vườn là: 25.441.218.500 đồng.

Trong đó:

+ Vật tư phân bón và thuốc BVTV: 25.336.386.500 đồng.

+ Thực hiện các yêu cầu của VietGAP và đánh giá chứng nhận VietGAP: 104.832.000 đồng.

### 3. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện là 05 năm (từ tháng 10/2025 đến tháng 09/2030).

## IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA LIÊN KẾT

### 1. Dự kiến năng suất, sản lượng thu hoạch và hiệu quả kinh tế trong thời gian thực hiện kế hoạch

Nâng cao năng suất, chất lượng và giá bán sản phẩm chuối; nâng cao trình độ kỹ thuật trong chăm sóc, thu hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư sản xuất và năng lực cạnh tranh của sản phẩm; giảm thiểu sử dụng thuốc BVTV; bảo vệ môi trường. Mang lại lợi ích thiết thực, tăng hiệu quả cho nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết, cụ thể:

#### ❖ Hiệu quả kinh tế

Ước tính hiệu quả kinh tế chuối trong kế hoạch liên kết

*Dvt: ngàn đồng*

TT	Khoản mục	Phân kỳ năm					Tổng cộng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	
1	Diện tích cho thu hoạch hàng năm (ha)	84,1	84,1	84,1	84,1	84,1	
	Năng suất (tấn/ha/năm)	35	35	40	40	40	
	Giá bán (1.000đ/tấn)	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
	Sản lượng (tấn/năm)	3.013	3.013	3.444	3.444	3.444	
2	Doanh thu bán sản phẩm	30.133.250	30.133.250	34.438.000	34.438.000	34.438.000	163.580.500
3	Chi phí sản xuất	9.642.923	9.527.703	9.527.703	9.642.923	9.527.703	47.868.956
3.1	- Chi phí vật tư hệ thống tưới (tính theo khấu hao 10 năm)	431.508	431.508	431.508	431.508	431.508	2.157.541
3.2	- Chi phí đầu tư hàng năm: phân bón, BVTV	5.652.395	5.652.395	5.652.395	5.652.395	5.652.395	28.261.975
3.3	- Công lao động và chi khác	3.443.800	3.443.800	3.443.800	3.443.800	3.443.800	17.219.000
3.4	- Chi phí phân tích và Chứng nhận VietGAP	115.220	0	0	115.220	0	230.440
4	Lợi nhuận dự kiến	20.490.327	20.605.547	24.910.297	24.795.077	24.910.297	115.711.544
5	Lợi nhuận bình quân/ha/năm	237.997	239.335	289.335	287.997	289.335	



- Lợi ích của nhà vườn trồng chuối:

Khi tham gia kế hoạch liên kết, năng suất bình quân dự kiến tăng thêm từ 1-2 tấn/ha/năm, giá bán dự kiến tăng từ 1.000 – 2.000 đ/kg. Như vậy mỗi ha dự kiến tăng thêm 40 - 80 triệu đồng/ha/năm.

Khi tham gia vào mô hình liên kết, nhà vườn sẽ được Hợp tác xã đảm bảo đầu ra sản phẩm, tham gia các khóa đào tạo và tư vấn kỹ thuật, đồng thời mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo chất lượng với giá ưu đãi hơn so với thị trường. Ngoài ra, nhà vườn còn nhận được sự hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng phục vụ cho sản xuất và sự trợ giúp từ ngân sách nhà nước. Kết quả là nhà vườn có thể gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường sống và sản xuất cho gia đình và cộng đồng.

- Lợi ích của Hợp tác xã:

Hợp tác xã sẽ đảm bảo sự ổn định trong sản xuất cho các thành viên, đồng thời thúc đẩy sự kết nối và đoàn kết giữa các xã viên để tổ chức sản xuất theo quy trình chung VietGAP. Việc tiêu thụ sản phẩm chung cũng giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của HTX.

Ngoài ra, HTX sẽ có cơ hội ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài và bền vững với đơn vị thu mua.

- Lợi ích của đơn vị thu mua:

Đơn vị thu mua sẽ có được nguồn nguyên liệu ổn định để phục vụ cho hoạt động xuất khẩu. Việc hợp tác cũng giúp nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các yêu cầu khắt khe về thương mại và kỹ thuật, từ đó cải thiện hiệu quả sản xuất, gia tăng uy tín và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

### ❖ **Hiệu quả xã hội**

Liên kết sản xuất giúp nông dân tìm kiếm đầu ra ổn định, giảm thiểu rủi ro thị trường, từ đó tăng lợi nhuận và cải thiện đời sống. Góp phần xây dựng chuỗi giá trị bền vững, tạo động lực phát triển cho các Hợp tác xã, doanh nghiệp và cộng

đồng nông thôn. Thúc đẩy sự liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng, từ nông dân, Hợp tác xã, doanh nghiệp đến chính quyền địa phương.

#### ❖ **Hiệu quả đối với sức khỏe con người**

Việc áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP góp phần hạn chế sử dụng thuốc BVTV và hóa chất độc hại, qua đó bảo vệ sức khỏe cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Mô hình liên kết còn giúp kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ, cung cấp ra thị trường nông sản an toàn và có chất lượng cao hơn.

#### ❖ **Hiệu quả đối với môi trường**

Áp dụng các biện pháp canh tác đúng kỹ thuật giúp cây chuối hấp thu dinh dưỡng hiệu quả, hạn chế tồn dư trong sản phẩm và giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường. Việc tăng cường sử dụng phân hữu cơ không chỉ giảm tình trạng thoái hóa đất mà còn tạo ra nền nông nghiệp thân thiện môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

Sản xuất chuối theo tiêu chuẩn VietGAP hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ, ưu tiên sử dụng thuốc BVTV sinh học, thảo dược và tuân thủ nguyên tắc “4 đúng” trong sử dụng thuốc BVTV, bao bì vỏ thuốc BVTV được thu gom và xử lý theo đúng quy định nên giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái. Nhờ vậy, cả môi trường sản xuất lẫn môi trường sống của cộng đồng đều được bảo vệ.

## **2. Tác động của kế hoạch liên kết**

### **2.1 Các rủi ro về thị trường, chất lượng và giải pháp giảm thiểu trong kế hoạch liên kết**

#### **a) Các rủi ro**

- Biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan có thể làm giảm chất lượng sản phẩm, từ đó tác động tiêu cực đến giá bán.
- Giá cả thị trường không ổn định gây ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của các nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết.

- Công tác kiểm tra, giám sát và quản lý chất lượng chưa thực sự chặt chẽ; thiếu dụng cụ và thiết bị kiểm định, nên sản phẩm đến tay người tiêu dùng vẫn có nguy cơ bị trộn lẫn với hàng hóa sản xuất thông thường.

- Việc giám sát việc tuân thủ ghi chép nhật ký và lưu hồ sơ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP tại các nhà vườn thành viên còn hạn chế nên gây khó khăn trong việc vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc của sản phẩm.

- Nhiều người tiêu dùng chưa có đủ kiến thức và cơ sở để nhận biết trái cây an toàn. Bên cạnh đó, sự liên kết giữa các khâu trong chuỗi cung ứng còn lỏng lẻo, việc truy xuất nguồn gốc gặp khó khăn, dẫn đến trách nhiệm về an toàn thực phẩm chưa được người sản xuất quan tâm đúng mức.

#### **b) Biện pháp giảm thiểu**

- Tổ chức sản xuất cây chuối theo VietGAP bao gồm các yêu cầu cơ bản như sau:

+ Chọn vùng sản xuất phù hợp với quy hoạch, không trồng trên đất bị ô nhiễm.  
+ Sử dụng giống chuối có chất lượng, được kiểm định và có nguồn gốc rõ ràng.

+ Sử dụng phân bón, phân hữu cơ và chất phụ gia có nguồn gốc rõ ràng và được phép sử dụng. Cần bón phân hợp lý và cân đối, không bón quá nhiều phân đạm, tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoặc phân chuồng đã được ủ hoai mục, tuyệt đối không sử dụng phân chuồng tươi.

+ Không sử dụng thuốc BVTV, hóa chất độ độc cao, thuốc cấm sử dụng; Chỉ sử dụng thuốc BVTV trong danh mục cho phép của Việt Nam và quy định của thị trường tiêu thụ; tuân theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc- đúng thời điểm- đúng nồng độ, liều lượng - đúng cách).

+ Sử dụng nước tưới từ nguồn nước sạch, không được sử dụng nước thải sinh hoạt hoặc nước phân tươi có thể gây ô nhiễm.

+ Đảm bảo an toàn lao động cho người sản xuất, bao gồm vệ sinh cá nhân, cung cấp dụng cụ sơ cứu và hướng dẫn sơ cứu tại nơi làm việc.

+ Thu gom và xử lý chất thải, bao bì hóa chất theo đúng quy định để bảo vệ môi trường.

+ Thu hoạch và xử lý sản phẩm một cách cẩn thận, tránh làm hư hại hoặc gây ô nhiễm sản phẩm. Nơi bảo quản phải sạch sẽ, tránh nhiễm chéo và có nhãn mác rõ ràng.

+ Ghi chép đầy đủ các nhật ký sản xuất, sử dụng phân bón, thuốc BVTV,... và lưu trữ hồ sơ ít nhất hai năm để phục vụ truy xuất nguồn gốc khi cần thiết.

+ Thực hiện kiểm tra nội bộ theo mẫu quy định. Có quy trình tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại liên quan đến quá trình sản xuất.

- Giải pháp về nâng cao ý thức trong sản xuất và người tiêu dùng an toàn:

+ Tăng cường đào tạo, tập huấn cho nông dân, HTX và doanh nghiệp về kiến thức và kỹ năng về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

+ Xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp an toàn, ý thức sản xuất có trách nhiệm sức khỏe người tiêu dùng.

+ Khuyến khích nông dân tham gia HTX, liên kết chặt chẽ với nhau và với doanh nghiệp để tạo ra các chuỗi cung ứng bền vững.

+ Tăng cường áp dụng mã định danh, mã QRCode trên sản phẩm nông nghiệp để người tiêu dùng dễ dàng truy xuất nguồn gốc, kiểm tra thông tin sản xuất và xây dựng niềm tin.

+ HTX xây dựng thương hiệu sản phẩm chuỗi chất lượng an toàn; phát triển các chương trình quảng bá sản phẩm uy tín, và tạo ra các mô hình liên kết bền vững để nâng cao chất lượng sản phẩm và niềm tin của người tiêu dùng. Đồng thời, kết hợp với các chương trình xúc tiến thương mại, hội thảo, hội chợ triển lãm và diễn đàn để tuyên truyền nhận thức cộng đồng về lợi ích của sản phẩm an toàn.

- Giải pháp về tiêu thụ:

+ Phân định giá bán rõ ràng giữa sản phẩm đạt VietGAP và sản phẩm thông thường.

+ Để người sản xuất có động lực sản xuất VietGAP, thì giá phải cao hơn giá sản phẩm sản xuất thường ít nhất từ 1.000 - 2.000 đồng/kg, trong điều kiện phải

thật sự an toàn và có chứng nhận của đơn vị chức năng. Việc bán được với giá cao hơn, sản phẩm được người tiêu dùng chấp nhận và công nhận sẽ là động lực để người sản xuất tập trung sản xuất an toàn.

- + Tạo sự liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ.

- Giải pháp phát huy tối đa vai trò của liên kết nhà vườn trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- + Xây dựng mô hình hợp tác hiệu quả: HTX cần đóng vai trò kết nối, điều phối, hỗ trợ nhà vườn tiếp cận nguồn lực, kiến thức, công nghệ và thị trường. Các nhà vườn cùng liên kết để chuyên môn hóa từng công đoạn sản xuất, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí.

- + Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và tiêu chuẩn sản xuất: HTX hỗ trợ nhà vườn áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến, ứng dụng cơ giới hóa sản xuất để tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao. Tập huấn và hướng dẫn nhà vườn sản xuất theo quy trình đạt chứng nhận VietGAP để nâng cao giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh.

- + Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp và thị trường: Xây dựng kế hoạch liên kết chặt chẽ, ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm, đảm bảo đầu ra ổn định và giá cả hợp lý cho nhà vườn. Hỗ trợ nhà vườn tiếp cận các kênh phân phối trực tuyến, siêu thị, cửa hàng nông sản an toàn để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- + Phát triển thương hiệu và nâng cao giá trị sản phẩm: Xây dựng trang Web của HTX, cập nhật thông tin hình ảnh quảng bá sản phẩm, tích hợp tính năng thương mại điện tử, tạo sự kết nối giúp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại để nâng Web cao nhận diện thương hiệu và tạo dựng uy tín trên thị trường.

- + Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn: Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ thuật canh tác và kỹ năng quản lý sản xuất cho nhà vườn.

- Giải pháp về nhãn hiệu hàng hóa:

Đăng ký và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa nhằm giới thiệu sản phẩm của kế hoạch liên kết trên thị trường và mở rộng thị trường tiêu thụ.

## **2.2 Các rủi ro về mặt tổ chức thực hiện kế hoạch và giải pháp giảm thiểu**

### **a) Rủi ro**

- Môi liên kết giữa nông dân và HTX chưa thật sự bền vững, nhiều nông dân chưa chú trọng đến liên kết nhóm hộ, sản xuất quy mô lớn, ổn định, do đó HTX không thể liên kết với doanh nghiệp khi được yêu cầu sản lượng hàng hóa lớn. Sự phối hợp chưa chặt chẽ và tinh thần trách nhiệm chưa cao giữa các thành phần tham gia liên kết là doanh nghiệp, Hợp tác xã và nhà vườn có thể khiến kết quả thực hiện không đạt như mục tiêu đề ra.

- Khi giá thị trường tăng cao so với giá thỏa thuận trong hợp đồng thì nhà vườn sẵn sàng tự hủy hợp đồng, bán sản phẩm cho đối tác khác trong quá trình liên kết hoặc không cung cấp đúng số lượng, chất lượng như cam kết.

- Ngược lại, khi giá nông sản xuống thấp, doanh nghiệp có thể quay lại ép giá nông dân, HTX để mua với giá thấp hơn.

### **b) Biện pháp giảm thiểu**

Thời gian thực hiện kế hoạch liên kết được quy định là 5 năm. Trong khoảng thời gian này các bên tham gia cần nỗ lực phối hợp để đạt mục tiêu chung. Mỗi thành phần phải có chương trình và quy trình làm việc cụ thể, đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả. Đồng thời, hợp đồng liên kết cần có điều khoản ràng buộc chặt chẽ để quy định rõ trách nhiệm của từng bên.

Ngoài ra, HTX thường xuyên tổ chức gặp gỡ, giao lưu giữa các thành viên tham gia liên kết (nhà vườn, HTX và các đơn vị thu mua) nhằm giúp nhà vườn nắm rõ yêu cầu về tiêu chuẩn thu mua và doanh nghiệp hiểu rõ quy trình sản xuất, diện tích, sản lượng và thời điểm thu hoạch, từ đó chủ động kế hoạch thu mua.

## **2.3 Các rủi ro và rào cản khác của kế hoạch liên kết**

### **a) Rủi ro**

- Nhà vườn gặp khó khăn trong việc thay đổi thói quen canh tác truyền thống, vốn lạm dụng phân bón và thuốc BVTV, sang quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, bao gồm cả việc ghi chép nhật ký sản xuất hàng ngày.

- Nếu không có ràng buộc chặt chẽ về pháp lý từ các hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa nhà vườn và HTX, cũng như thiếu sự hỗ trợ của chính quyền địa phương thì nguy cơ nhà vườn hủy đột ngột các cam kết thực hiện theo kế hoạch liên kết là rất cao.

#### **b) Biện pháp giảm thiểu**

- HTX phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức tập huấn quy trình sản xuất chuỗi theo tiêu chuẩn VietGAP, yêu cầu các thành viên tuân thủ quy định về bón phân và sử dụng thuốc BVTV đúng danh mục và yêu cầu của quy trình kỹ thuật.

- Giải ngân kịp thời nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tạo động viên cho nhà vườn và HTX tham gia kế hoạch liên kết.

- HTX xây dựng kế hoạch sản xuất và cung cấp dịch vụ đầu vào cho nhà vườn, giúp họ thấy rõ lợi ích và sự thuận tiện khi tham gia kế hoạch liên kết.

- Thiết lập mạng lưới hợp tác chặt chẽ giữa HTX, nhà vườn, đơn vị tư vấn kỹ thuật, nhà cung cấp vật tư nông nghiệp, đơn vị thu mua sản phẩm và cơ quan quản lý nhà nước, để đảm bảo sự đồng bộ trong toàn bộ chuỗi liên kết.

### **V. KẾ HOẠCH TIỀN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **5.1. KẾ HOẠCH TIỀN ĐỘ**

##### **5.1.1. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm cho nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết**

Việc tiêu thụ sản phẩm của nhà vườn trồng chuối dựa trên hợp đồng liên kết tiêu thụ chuối giữa HTX với đơn vị tiêu thụ và giữa HTX với các nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết.

Giá thu mua do HTX thông báo và thống nhất với nhà vườn dựa trên giá thị trường và giá thỏa thuận với đơn vị thu mua. Trong đó đảm bảo các bên đều có lợi.

Trên cơ sở dự báo sản lượng chuối thu hoạch theo từng tuần, tháng, HTX xây dựng kế hoạch thu mua toàn bộ chuối từ các nhà vườn để bán cho đơn vị thu mua.

Với năng suất dao động từ 35 - 40 tấn/ha/năm, giá thu mua dự kiến 10 triệu đồng/tấn thì sản lượng và nhu cầu vốn để thu mua sản phẩm được phân kỳ qua các năm như sau:

TT	Khoản mục	Phân kỳ năm					Tổng cộng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	
1	Diện tích cho thu hoạch hàng năm (ha)	84,1	84,1	84,1	84,1	84,1	430,5
2	Năng suất bình quân (tấn/ha/năm)	35	35	40	40	40	
3	Sản lượng thu hoạch (tấn/năm)	3.013	3.013	3.444	3.444	3.444	16.358
4	Giá thu mua dự kiến (ngàn đồng/tấn)	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
5	Vốn cho thu mua (1.000 đồng)	30.133.250	30.133.250	34.438.000	34.438.000	34.438.000	163.580.500

### 5.1.2. Ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chuỗi

#### a) Hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ chuỗi

- HTX Nông nghiệp Phú Tân soạn thảo hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ chuỗi giữa HTX với nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết (đính kèm tại phụ lục) với một số nội dung chính sau:

- Thời gian hiệu lực hợp đồng: 05 năm, kể từ ngày ký hợp đồng.

- Về giá thu mua: HTX thông báo giá thu mua trước khi thu hoạch 30 ngày, giá ký kết hợp đồng với đơn vị tiêu thụ theo từng vụ thu hoạch, sau khi đồng ý giá bán, đơn vị thu mua sẽ tiến hành thu hoạch, phân loại và vận chuyển.

- Về hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngay khi HTX Nông nghiệp Phú Tân nhận hàng hoặc theo thỏa thuận khác nếu có giữa hai bên.

- Về trách nhiệm và cam kết của HTX: Tạo điều kiện hỗ trợ nhà vườn về đào tạo, tập huấn quy trình sản xuất VietGAP; Quản lý, theo dõi và giám sát các hoạt động của nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết và thu mua toàn bộ sản phẩm chuỗi của nhà vườn.

- Về trách nhiệm và cam kết của nhà vườn: Bán toàn bộ sản phẩm cho HTX; Tuân thủ các yêu cầu của quy trình sản xuất chuỗi VietGAP, trong đó chú trọng việc tuân thủ việc sử dụng thuốc BVTV để đảm bảo trái chuỗi không có dư lượng thuốc BVTV.



## **b) Hợp đồng tiêu thụ chuỗi**

HTX tiến hành ký kết hợp đồng tiêu thụ chuỗi VietGAP với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT với một số nội dung chính như sau:

- Thời gian hiệu lực hợp đồng: 05 năm, kể từ ngày ký hợp đồng.
- Sản lượng: Bao gồm tất cả sản lượng chuỗi của các nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết.
- Về tiêu chuẩn chất lượng: Chuối được sản xuất theo quy trình VietGAP.
- Về giá thu mua: Hai bên trao đổi, thống nhất giá trước khi thu hoạch từ 30 ngày. Giá thu mua cao hơn giá thị trường từ 1.000 - 2.000 đồng/kg..
- Về hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Về trách nhiệm và cam kết của đơn vị thu mua sản phẩm: Cam kết thu mua toàn bộ chuối của HTX nếu sản phẩm đạt yêu cầu và thống nhất giá mua bán hợp lý; Nếu đơn vị được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải đền bù thiệt hại theo thỏa thuận giữa hai bên theo quy định.
- Về trách nhiệm và cam kết của HTX: Cam kết bán toàn bộ chuối trong phạm vi của kế hoạch liên kết cho đơn vị tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm. Nếu HTX được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải đền bù thiệt hại theo thỏa thuận giữa hai bên theo quy định.

### **5.1.3. Kế hoạch đào tạo, tập huấn cho nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết**

- Đơn vị tư vấn sẽ phối hợp với HTX và UBND xã Phú Vinh để tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo cho các thành viên tham gia kế hoạch liên kết. Số lớp tập huấn là 4 lớp bao gồm các nội dung:

(1) Đào tạo, xây dựng về các yêu cầu, nguyên tắc sản xuất cho chuối theo TCVN 11892-1:2017.

(2) Đào tạo, xây dựng các quy trình sản xuất; hướng dẫn trồng; chăm sóc và ngăn ngừa dịch hại trên cây chuối, tiêu chuẩn chất lượng chuối xuất khẩu.

(3) Đào tạo xây dựng các biểu mẫu giám sát các quy trình từ kiểm soát giống, vật tư nông nghiệp, trồng, chăm sóc, thu hoạch và ghi nhãn sản phẩm VietGAP.

(4) Đào tạo xây dựng đánh giá nội bộ và kiểm soát nội bộ để đảm bảo chuẩn hóa và tuân thủ quy trình VietGAP.

- Thời tập huấn: Năm 2026

- HTX phổ biến và giám sát việc thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất nhằm đạt mục tiêu đề ra; Hướng dẫn trực tiếp nhà vườn trồng, chăm sóc, thu hoạch theo quy trình đã được tập huấn nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho doanh nghiệp thu mua.

#### **5.1.4. Kế hoạch tài chính**

- Đối với HTX Nông nghiệp Phú Tân:

Với sản lượng năm thứ nhất là 3.013 tấn, giá bán 10 triệu đồng/tấn tương đương giá trị hàng hóa là 30 tỷ đồng, HTX Nông nghiệp Phú Tân kết hợp với công ty tiêu thụ sản phẩm để thanh toán cho các thành viên bán sản phẩm.

- Đối với nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết: Ngoài ngân sách nhà nước hỗ trợ trong khuôn khổ của kế hoạch liên kết, nhà vườn có thể vay vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất. Để có thể vay vốn Ngân hàng, nhà vườn sẽ phải ký kết hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ chuối với HTX và có xác nhận của UBND xã Phú Vinh.

#### **5.1.5. Kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch liên kết**

HTX Nông nghiệp Phú Tân phối hợp với các phòng ban để lên kế hoạch giám sát và đánh giá hàng năm, từ đó có những đề xuất điều chỉnh cho phù hợp. Nội dung kế hoạch giám sát và đánh giá gồm những nội dung sau:

- Tình hình thực hiện và tiến độ thực hiện các nội dung trong Kế hoạch.

- Giám sát tình hình sản xuất của nhà vườn trồng chuối trong kế hoạch: Quy trình sản xuất, năng suất, sản lượng thu hoạch và chất lượng chuối, việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hàng năm.

- Tình hình thực hiện hợp đồng liên kết giữa HTX và nhà vườn tham gia Kế hoạch.

- Báo cáo và đề xuất, kiến nghị kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch với Phòng Kinh tế, UBND xã Phú Vinh, Liên minh Hợp tác xã Đồng Nai và các cơ quan có liên quan.

## **5.2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **5.2.1. Hợp tác xã**

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện “Kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chuối”.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về UBND xã Phú Vinh và đề xuất kịp thời các vấn đề khó khăn để thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả.

- Hàng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đầu tư, kinh doanh và báo cáo Liên minh Hợp tác xã Đồng Nai, UBND xã Phú Vinh và Phòng Kinh tế xã Phú Vinh.

- Hàng năm HTX xây dựng kế hoạch triển khai và gửi Phòng kinh tế xã Phú Vinh xem xét và Liên minh HTX Đồng Nai xem xét phê duyệt.

- Ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ toàn bộ sản phẩm chuối với các nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết.

- Ký hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp.

- Ký hợp đồng với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm chuối.

### **5.2.2. Nhà vườn tham gia kế hoạch liên kết**

- Ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ chuối với HTX.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo, tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các qui trình kỹ thuật đã được tập huấn nhằm đảm bảo nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chuối theo quy trình đã được tập huấn.

- Tổ chức sản xuất theo đúng kế hoạch của HTX.

- Duy trì diện tích đăng ký tham gia 05 năm trong kế hoạch liên kết.
- Bán toàn bộ sản phẩm chuỗi cho HTX theo diện tích đăng ký cho HTX.
- Cam kết thực hiện đúng hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ chuỗi đã được ký kết.

### **5.2.3. Doanh nghiệp tiêu thụ chuỗi**

Thực hiện thu mua toàn bộ sản phẩm chuỗi theo hợp đồng tiêu thụ sản phẩm đã ký với HTX.

### **5.2.4. Chính quyền địa phương**

- Hỗ trợ HTX trong việc hỗ trợ vật tư nông nghiệp cho các hộ dân tham gia liên kết theo chính sách được quy định tại Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

- Đôn đốc, hỗ trợ HTX thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng giữa HTX và thành viên. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các bên thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền lợi của mình theo hợp đồng đã ký.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho HTX và doanh nghiệp thu mua toàn bộ sản phẩm chuỗi của nhà vườn tham gia theo hợp đồng đã ký.
- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tổ chức tập huấn, đào tạo về kỹ thuật, quản lý và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trên địa bàn.
- Tham gia giải quyết các trường hợp vi phạm hợp đồng trong quá trình thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

### **5.2.4. Chính quyền địa phương**

- Đôn đốc, hỗ trợ HTX thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng giữa HTX và thành viên. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các bên thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền lợi của mình theo hợp đồng đã ký.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho HTX và doanh nghiệp thu mua toàn bộ sản phẩm chuỗi của nhà vườn tham gia theo hợp đồng đã ký.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tổ chức tập huấn, đào tạo về kỹ thuật, quản lý và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trên địa bàn.

- Tham gia giải quyết các trường hợp vi phạm hợp đồng trong quá trình thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

## **VI. KIẾN NGHỊ**

Trên đây là kế hoạch liên kết, tiêu thụ sản phẩm chuối trên địa bàn xã Phú Vinh do Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân là đơn vị chủ trì liên kết.

Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân Kính đề nghị UBND xã Phú Vinh xem xét, phê duyệt kế hoạch liên kết này để tạo điều kiện thuận lợi cho HTX tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chuối giúp nâng cao hiệu quả kinh tế cho các thành viên HTX.

*Phú Vinh, ngày 29 tháng 09 năm 2025*

**GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Hải Lương**

**DANH SÁCH NHÀ VƯỜN ĐĂNG KÝ THAM GIA  
KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI  
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH**

Stt	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ vườn	Diện tích (ha)
1	Lô Thị Quý	075172008051	ấp 7	3,5
2	Lý Vòng Phí	075085009543	ấp Suối Soong 2	2,0
3	Lâm Xuân An	075074001089	ấp 8	0,8
4	Vày A Bấu	068060001999	ấp 7	3,0
5	Vòng Sênh Cóong	075085017232	ấp 7	2,0
6	Hoàng Hải Lương	060060006035	ấp 7	3,0
7	Nguyễn Trường Giang	075080005471	ấp 7	3,2
8	Nhìn Tắc Phí	075075004336	ấp 7	1,3
9	Nguyễn Văn Long	075058008230	ấp 7	3,3
10	Ninh Ngọc Phí	075069010269	ấp 7	0,8
11	Huỳnh Văn Cường	083086008440	ấp 3	2,5
12	Lộc Văn Xuân	075060004318	ấp 7	2,4
13	Ngô Chí Tùng	082085012006	ấp Suối Soong 2	2,0
14	Nềnh Ngọc Yên	074072008520	ấp 7	0,8
15	Phùng Quách Sáng	079060018941	ấp 6	1,0
16	Lộc Và Pầu	075064000395	ấp 6	2,4
17	Trương Tiến Phước	0,75071004157	ấp 2	1,2
18	Lê Hồng Chu	0,75074017322	ấp 2	0,4
19	Lai A Cầu	0,70057004322	ấp 2	1,6
20	Lai Lường Phu	0,75085005129	ấp 2	1,4
21	Nguyễn Văn Ên	0,80071013955	ấp 2	2,9
22	Phóng Kim Thanh	0,75167007229	ấp 2	0,6
23	Huỳnh Thị Kim Loan	0,83165013803	ấp 2	1,0
24	Chương Lục Mùi	0,75170007336	ấp 2	4,3
25	Làu Say Đạt	0,75073010499	ấp 2	1,0
26	Ừng A Sy	0,75072000990	ấp 2	1,0
27	Đỗ Hồng Châu	0,83080010653	ấp 2	1,1



**PHỤ LỤC 1:**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI  
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH**

STT	Khoản mục	Đvt	Phân kỳ kế hoạch theo năm thực hiện					Tổng cộng
			Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	
	<b>TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN</b>	1.000đ	<b>5.735.442,3</b>	<b>5.995.430,3</b>	<b>5.531.417,3</b>	<b>5.531.417,3</b>	<b>5.536.417,3</b>	<b>28.330.124,5</b>
<b>1</b>	<b>CHI PHÍ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>	1.000đ	<b>5.521.417,3</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>27.607.086,5</b>
	<i>Diện tích thực hiện (ha)</i>	<i>ha</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	
	Phân bón, thuốc BVTV		5.521.417,3	5.521.417,3	5.521.417,3	5.521.417,3	5.521.417,3	27.607.086,5
<b>2</b>	<b>HỆ THỐNG TƯỚI</b>		<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>		<b>0,0</b>
	<i>Diện tích thực hiện (ha)</i>	<i>ha</i>		30,0	30,0	24,1		84,1
	Hệ thống tưới			0,0	0,0	0,0		0,0
<b>3</b>	<b>TẬP HUẤN CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT SẢN XUẤT CHUỐI VIETGAP</b>		<b>0,0</b>	<b>265.293,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>265.293,0</b>
3.1	Đào tạo, xây dựng về các yêu cầu, nguyên tắc sản xuất cho chuối theo TCVN 11892-1:2017	1.000đ	0,0	67.790,0				67.790,0
3.2	Đào tạo, xây dựng các quy trình sản xuất; hướng dẫn trồng; chăm sóc và ngăn ngừa dịch hại trên cây chuối	1.000đ		67.100,0				67.100,0
3.3	Đào tạo xây dựng các biểu mẫu giám sát các quy trình từ kiểm soát giống, vật tư nông nghiệp, trồng, chăm sóc, thu hoạch và ghi nhãn sản phẩm VietGAP chuối	1.000đ		67.100,0				67.100,0
3.4	Đào tạo xây dựng đánh giá nội bộ và kiểm soát nội bộ để đảm bảo chuẩn hóa và tuân thủ quy trình VietGAP	1.000đ		50.670,0				50.670,0
3.5	VAT (5%)		0,0	12.633,0				12.633,0
<b>4</b>	<b>CHI PHÍ THỰC HIỆN VietGAP CHO SẢN PHẨM CHUỐI</b>		<b>0,0</b>	<b>174.720,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>174.720,0</b>
	<i>Diện tích thực hiện</i>	<i>ha</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	
4.1	Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định các vùng sản xuất tập trung, tiêu thụ sản phẩm chuối áp dụng VietGAP	1.000đ		85.420,0				85.420,0
4.2	Chi phí đánh giá cấp chứng nhận lần đầu	1.000đ		89.300,0				89.300,0
<b>5</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT KẾ BAO BÌ</b>	1.000đ		24.000,0				<b>24.000,0</b>
<b>6</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LIÊN KẾT</b>	1.000đ	<b>199.025,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>199.025,0</b>



PHỤ LỤC 2:

PHÂN NGUỒN, PHÂN KỲ CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH

*ĐVT: ngàn đồng*

TT	Nội dung	Năm thứ nhất		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		Năm thứ 5		Tổng lũy kế			Ghi chú
		NSNN	Vốn dân	NSNN	Vốn dân	NSNN	Vốn dân	NSNN	Vốn dân	NSNN	Vốn dân	Tổng	NSNN	Vốn dân	
	<b>TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN</b>	<b>970.925,0</b>	<b>4.764.517,3</b>	<b>1.126.081,0</b>	<b>4.869.349,3</b>	<b>766.900,0</b>	<b>4.764.517,3</b>	<b>10.000,0</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>15.000,0</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>28.330.124,5</b>	<b>2.888.906,0</b>	<b>25.441.218,5</b>	
<b>1</b>	<b>CHI PHÍ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>	<b>756.900,0</b>	<b>4.764.517,3</b>	<b>756.900,0</b>	<b>4.764.517,3</b>	<b>756.900,0</b>	<b>4.764.517,3</b>	<b>0,0</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>0,0</b>	<b>5.521.417,3</b>	<b>27.607.086,5</b>	<b>2.270.700,0</b>	<b>25.336.386,5</b>	
	<i>Diện tích thực hiện (ha)</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>84,1</i>	<i>0,0</i>	<i>84,1</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>				
	Phân bón, thuốc BVTV	756.900,0	4.764.517,3	756.900,0	4.764.517,3	756.900,0	4.764.517,3	0,0	5.521.417,3	0,0	5.521.417,3	27.607.086,5	2.270.700,0	25.336.386,5	Phụ lục 3 và 4
<b>2</b>	<b>TẬP HUẤN CHUYÊN GIAO KỸ THUẬT SẢN XUẤT CHUỐI VIETGAP</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>265.293,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>265.293,0</b>	<b>265.293,0</b>	<b>0,0</b>	Phụ lục 5
2.1	Đào tạo, xây dựng về các yêu cầu, nguyên tắc sản xuất cho chuối theo TCVN 11892-1:2017			67.790,0								67.790,0	67.790,0	0,0	
2.2	Đào tạo, xây dựng các quy trình sản xuất; hướng dẫn trồng; chăm sóc và ngăn ngừa dịch hại trên cây chuối			67.100,0								67.100,0	67.100,0	0,0	
2.3	Đào tạo xây dựng các biểu mẫu giám sát các quy trình từ kiểm soát giống, vật tư nông nghiệp, trồng, chăm sóc, thu hoạch và ghi nhãn sản			67.100,0								67.100,0	67.100,0	0,0	
2.4	Đào tạo xây dựng đánh giá nội bộ và kiểm soát nội bộ để đảm bảo chuẩn hóa và tuân thủ quy trình			50.670,0								50.670,0	50.670,0	0,0	
	VAT (5%)	0,0		12.633,0								12.633,0	12.633,0		
<b>3</b>	<b>CHI PHÍ THỰC HIỆN VIETGAP CHO SẢN PHẨM CHUỐI</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>69.888,0</b>	<b>104.832,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>174.720,0</b>	<b>69.888,0</b>	<b>104.832,0</b>	Phụ lục 6
3.1	Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định các vùng sản xuất tập trung, tiêu thụ sản phẩm chuối			34.168,0	51.252,0							85.420,0	34.168,0	51.252,0	
3.2	Chi phí đánh giá cấp chứng nhận lần đầu			35.720,0	53.580,0							89.300,0	35.720,0	53.580,0	
<b>4</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT KẾ BAO BÌ</b>			<b>24.000,0</b>		<b>0,0</b>		<b>0,0</b>		<b>0,0</b>		<b>24.000,0</b>	<b>24.000,0</b>	<b>0,0</b>	Báo giá
<b>5</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LIÊN KẾT</b>	<b>199.025,0</b>				<b>0,0</b>		<b>0,0</b>		<b>0,0</b>		<b>199.025,0</b>	199.025,0	0,0	PL7
<b>6</b>	<b>CHI KHÁC (thẩm định giá, văn phòng phẩm, chi phí hội họp, công tác phí, thuê xe ô tô, kiểm tra giám sát,...)</b>	<b>15.000</b>		<b>10.000</b>		<b>10.000</b>		<b>10.000</b>		<b>15.000</b>		<b>60.000</b>	<b>60.000,0</b>	<b>0,0</b>	

PHỤ LỤC 3:

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT CHO 1 HA CÂY CHUỐI**

**THEO TIÊU CHUẨN GAP GĐKD**

*(Quyết định 18/2024/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Stt	Tên hàng hóa	Đvt	Số lượng
1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	260
2	Phân lân nguyên chất (P2O5)	kg	160
3	Phân kali nguyên chất (K2O5)	kg	360
4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000
5	Thuốc BVTV	kg/lít	6,7
6	Nấm đối kháng Trichoderma	kg	50
7	Bao chuối	bao	2.000

**BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ CÀNH TÁC 1 HA CÂY CHUỐI**

*(Qui đổi từ dạng phân nguyên chất thành phân thương phẩm)*

Stt	Tên hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
I	Phân bón, thuốc BVTV				65.653,0
1	Phân NPK 16-16-8	kg	200,0	16,5	3.300,0
2	Phân NPK 20-20-15	kg	100,0	18,5	1.850,0
3	Phân NPK 30-10-10	kg	100,0	14,0	1.400,0
4	Phân NK 16-8 + 20 HC + TE	kg	250,0	11,0	2.750,0
5	Phân DAP 18-46	kg	150,0	23,0	3.450,0
6	SA (20%N)	kg	250,0	7,0	1.750,0
7	Phân đạm Urea (46%N)	kg	132,0	14,0	1.848,0
8	Phân Lân (16%P2O5)	kg	180,0	6,5	1.170,0
9	Phân kali clorua (60%K2O)	kg	505,0	23,0	11.615,0
10	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000,0	6,0	18.000,0
11	Thuốc BVTV (Confidor; TicTak 50EC; Movento 150OD; Aikosen 80wp; Agri Fos 400SL; Ridomil Gold 68WG; Aliette 800WG; Norshield 86.2WG; Curenox OC 85; Kumulus 80WG; Tilt Super 300EC; Anvil 5S,, Antracol 70WP,...)	Kg/lít	6,7	600,0	4.020,0
12	Nấm đối kháng <i>Trichoderma sp.</i>	Kg	50,0	90,0	4.500,0
13	Bao quây chuối	bao	2.000,0	5,0	10.000,0

**PHỤ LỤC 4:**

**MỨC HỖ TRỢ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP  
CỦA KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH**

*(Mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)*

Stt	Hàng mục	Đvt	Diện tích (ha)	Định mức hỗ trợ (1.000đ/năm/ha)	Số tiền hỗ trợ trong 1 năm (1.000đ)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Tổng kinh phí hỗ trợ (1.000đ)
1	Phân bón, thuốc BVTV (Hỗ trợ 9 triệu đồng/ha/năm x 3 năm)	ha	84,1	9.000,0	756.900,0	3,0	2.270.700,0
	<b>Tổng</b>						<b>2.270.700,0</b>

PHỤ LỤC 5:

DỰ TOÁN KINH PHÍ TẬP HUẤN CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT SẢN XUẤT CHUỐI VIETGAP  
KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH

Stt	Nội dung	Dvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
I	<b>Đào tạo, xây dựng về các yêu cầu, nguyên tắc sản xuất cho chuối theo TCVN 11892-1:2017 (4 ngày).</b>				<b>38.390,0</b>	
1	Chi phí vệ sinh hội trường, âm thanh, ánh sáng	ngày	4	1.000	4.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
2	Giảng viên giảng bài (2 buổi/ngày)	buổi	8	1.000	8.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
3	Trợ giảng, thực hành thao tác kỹ thuật	buổi	8	500	4.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
4	Photo tài liệu cho học viên (1 người/cuốn) (60 tờ x 500 đồng/tờ, đóng cuốn 5.000 đồng/cuốn)	cuốn	46	35	1.610,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
5	Văn phòng phẩm (viết, vở, bìa nút đựng hồ sơ)	người	46	15	690,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
6	Chi giải khát giữa giờ (50.000 đồng/người/ngày)	người	92	50	4.600,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
7	Tiền ăn giảng viên và trợ giảng (2 người/ngày)	ngày	8	200	1.600,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT40/2017 BTC.
8	Hỗ trợ tiền ăn cho nông dân (150.000đ/người/ngày)	người	92	100	9.200,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
9	Thuê xe ô tô đưa đón giảng viên (Từ Dầu Giây đến địa điểm đào tạo và ngược lại) (100km/đi+về/chuyến x 1 chuyến/ngày x 4 ngày. Khoản định mức 10.000đ/km	km	400	10	4.000,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC; - ND72/2025 CP.
10	In giấy chứng chỉ (in màu, bìa cứng, ép plastic)	Giấy chứng nhận	46	15	690,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
II	<b>Đào tạo, xây dựng các quy trình sản xuất; hướng dẫn trồng; chăm sóc và ngăn ngừa dịch hại trên cây chuối, tiêu chuẩn chất lượng chuối xuất khẩu (4 ngày)</b>				<b>37.700,0</b>	
1	Chi phí vệ sinh hội trường, âm thanh, ánh sáng	ngày	4	1.000	4.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
2	Giảng viên giảng bài (2 buổi/ngày)	buổi	8	1.000	8.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
3	Trợ giảng, thực hành thao tác kỹ thuật	buổi	8	500	4.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
4	Photo tài liệu cho học viên (1 người/cuốn) (60 tờ x 500 đồng/tờ, đóng cuốn 5.000 đồng/cuốn)	cuốn	46	35	1.610,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
5	Văn phòng phẩm (viết, vở, bìa nút đựng hồ sơ)	người	46	15	690,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
6	Chi giải khát giữa giờ (50.000 đồng/người/ngày)	người	92	50	4.600,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
7	Tiền ăn giảng viên và trợ giảng (2 người/ngày)	ngày	8	200	1.600,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT40/2017 BTC.

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
8	Hỗ trợ tiền ăn cho nông dân (150.000đ/người/ngày)	người	92	100	9.200,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
9	Thuê xe ô tô đưa đón giảng viên (Từ Dầu Giây đến địa điểm đào tạo và ngược lại) (100km/đi+về/chuyến x 1 chuyến/ngày x 4 ngày. Khoản định mức 10.000đ/km	km	400	10	4.000,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC; - ND72/2025 CP.
<b>III</b>	<b>Đào tạo xây dựng các biểu mẫu giám sát các quy trình từ kiểm soát giống, vật tư nông nghiệp, trồng, chăm sóc, thu hoạch và ghi nhãn sản phẩm VietGAP chuối (4 ngày)</b>				<b>37.700,0</b>	
1	Chi phí vệ sinh hội trường, âm thanh, ánh sáng	ngày	4	1.000	4.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
2	Giảng viên giảng bài (2 buổi/ngày)	buổi	8	1.000	8.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
3	Trợ giảng, thực hành thao tác kỹ thuật	buổi	8	500	4.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
4	Photo tài liệu cho học viên (1 người/cuốn) (60 tờ x 500 đồng/tờ, đóng cuốn 5.000 đồng/cuốn)	cuốn	46	35	1.610,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
5	Văn phòng phẩm (viết, vở, bìa nút đựng hồ sơ)	người	46	15	690,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
6	Chi giải khát giữa giờ (50.000 đồng/người/ngày)	người	92	50	4.600,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
7	Tiền ăn giảng viên và trợ giảng (2 người/ngày)	ngày	8	200	1.600,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT40/2017 BTC.
8	Hỗ trợ tiền ăn cho nông dân (150.000đ/người/ngày)	người	92	100	9.200,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
9	Thuê xe ô tô đưa đón giảng viên (Từ Dầu Giây đến địa điểm đào tạo và ngược lại) (100km/đi+về/chuyến x 1 chuyến/ngày x 4 ngày. Khoản định mức 10.000đ/km	km	400	10	4.000,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC; - ND72/2025 CP.
<b>IV</b>	<b>Đào tạo xây dựng đánh giá nội bộ và kiểm soát nội bộ để đảm bảo chuẩn hóa và tuân thủ quy trình VietGAP (3 ngày)</b>				<b>28.620,0</b>	
1	Chi phí vệ sinh hội trường, âm thanh, ánh sáng	ngày	3	1.000	3.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
2	Giảng viên giảng bài (2 buổi/ngày)	buổi	6	1.000	6.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
3	Trợ giảng, thực hành thao tác kỹ thuật	buổi	6	500	3.000,0	- TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
4	Photo Tài liệu cho học viên (1 người/cuốn) (50 tờ x 500 đồng/tờ, đóng cuốn 5.000 đồng/cuốn)	cuốn	46	30	1.380,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
5	Văn phòng phẩm (viết, vở, bìa nút đựng hồ sơ)	người	46	15	690,0	- Báo giá; - TT55/2023 BTC - TT36/2018 BTC
6	Chi giải khát giữa giờ (50.000 đồng/người/ngày)	người	69	50	3.450,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
7	Tiền ăn giảng viên và trợ giảng (2 người/ngày)	ngày	6	200	1.200,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT40/2017 BTC.
8	Hỗ trợ tiền ăn cho nông dân (150.000đ/người/ngày)	người	69	100	6.900,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC.
9	Thuê xe ô tô đưa đón giảng viên (Từ Dầu Giây đến địa điểm đào tạo và ngược lại) (100km/đi+về/chuyến x 1 chuyến/ngày x 3 ngày. Khoản định mức 10.000đ/km	km	300	10	3.000,0	- TT55/2023 BTC; - TT36/2018 BTC; - TT12/2025 BTC; - ND72/2025 CP.
	<b>Cộng</b>				<b>142.410,0</b>	
	VAT (5%)				7.120,5	
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>149.530,5</b>	

PHỤ LỤC 6:

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN VIETGAP  
THUỘC KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH

DVT: 1.000đồng

TT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN hỗ trợ (40%)	Vốn dân (60%)	Căn cứ
1	Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định các vùng sản xuất tập trung, tiêu thụ sản phẩm chuối áp dụng VietGAP				85.420,0	34.168,0	51.252,0	NQ 143/2018/NQ-HĐND
	Công điều tra cơ bản, khảo sát thực địa	công	20,0	1.600,0	32.000,0	12.800,0	19.200,0	
	Công lấy mẫu đất, nước phân tích	công	15,0	1.600,0	24.000,0	9.600,0	14.400,0	
	Thuê xe điều tra cơ bản, khảo sát thực địa lấy mẫu và vận chuyển mẫu	chuyến	5,0	700,0	3.500,0	1.400,0	2.100,0	
	<b>Mẫu nước tưới</b>							
	Hàm lượng Asen (As)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	Hàm lượng chì (Pb)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	<b>Mẫu đất trồng</b>							
	Hàm lượng Asen (As)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	Hàm lượng chì (Pb)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mẫu	18,0	180,0	3.240,0	1.296,0	1.944,0	
2	Chi phí đánh giá cấp chứng nhận lần đầu				89.300,0	35.720,0	53.580,0	
	Đánh giá cấp chứng nhận VietGAP	ha	84,1		89.300,0	35.720,0	53.580,0	Báo giá
	<b>Tổng cộng</b>				174.720,0	69.888,0	104.832,0	

PHỤ LỤC 7: DỰ TOÁN KINH PHÍ

CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SÀU RIÊNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH

STT	Nội dung/ Mô tả	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
1	Chi phí khảo sát, thu thập thông tin, số liệu, điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất	công	35	1.600	56.000	TT Số 04/2025/TT-BLĐTBXH ngày 7/5/2025. Về việc qui định mức lương đối với chuyên gia tư vấn. Khoản 1 điều 3 (mức 2, định mức theo ngày là 55 triệu/26 ngày = 2,1 triệu đồng). Áp dụng định mức 1,6 triệu đồng/ngày.
2	Tổng hợp, đánh giá những thuận lợi khó khăn trong sản xuất, có tính đến điều kiện tự nhiên, tình hình KTXH vùng thực hiện kế hoạch	công	20	1.600	32.000	
3	Tổ chức các buổi hội họp nhằm thông tin quyền lợi và trách nhiệm của thành viên khi tham gia kế hoạch liên kết, rà soát, lập danh sách các hộ tham gia (xem xét tính pháp lý của diện tích điều tham gia kế hoạch)	công	20	1.600	32.000	
4	Xử lý số liệu thu thập được, phân tích thông tin tài liệu, Xây dựng kế hoạch liên kết, kế hoạch sản xuất, kế hoạch kinh doanh, tiến độ thực hiện, hiệu quả kế hoạch sản xuất, lập chi tiết dự toán kinh phí, xây dựng qui trình kỹ thuật; chuẩn bị các hồ sơ: tư cách pháp nhân, hồ sơ về an toàn thực phẩm, soạn thảo các hợp đồng liên kết sản xuất, chuẩn bị tài liệu minh chứng cho kế hoạch, pháp lý của diện	công	30	1.600	48.000	
5	Chi phí tìm kiếm thị trường tiêu thụ, ký hợp đồng nguyên tắc thu mua sản phẩm, hợp đồng liên kết sản xuất	công	18	1.600	28.800	
6	Chi phí trực xe ô tô công tác (khảo sát thực tế, tìm kiếm thị trường, tổ chức hội họp) - Thuê xe 07 chỗ máy lạnh đời mới phục vụ, xe đảm bảo tiêu chuẩn an toàn theo quy định - Khoảng cách di chuyển khoảng 80 km/ngày (đi từ huyện Thống Nhất đến xã Bàu Hàm và ngược lại)	chuyến	18	1.000	18.000	
7	Văn phòng phẩm					
7.1	Giấy Double A A4 định lượng 70gsm	ram	5	80	400	
7.2	Bìa hộp Flexoffice PP 75A4 FO-BF02	cái	5	75	375	
7.3	Photo kế hoạch liên kết, tài liệu (trước hội đồng và sau hội đồng) - Kích thước: Khổ A4; giấy Fort 80gsm; bìa màu; Số lượng: 150 trang cả bìa - Bao gồm: đóng cuốn thành phẩm, chi phí vận chuyển tận nơi	cuốn	30	60	1.800	
7.4	Bìa nút đựng hồ sơ My Clear A4	cái	20	4	80	
7.5	Mực in Canon 303 (chính hãng)	hộp	1	1.500	1.500	
7.6	Bút bi Thiên Long TL-036 (hộp 20 cây)	Hộp	2	250	500	
	<b>TỔNG CỘNG (Bao gồm thuế GTGT)</b>				<b>219.455</b>	



Số: 22/2025/BG-KHLK-NNBV

Đồng Nai, ngày 08 tháng 09 năm 2025

**BẢN BÁO GIÁ DỊCH VỤ TƯ VẤN  
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LIÊN KẾT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM CHUỐI  
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ VINH**

**Kính gửi: Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân**

Theo yêu cầu của Quý khách, chúng tôi gửi bản báo giá dịch vụ tư vấn xây dựng kế hoạch liên kết, tiêu thụ sản phẩm chuối trên địa bàn xã Phú Vinh như sau:

**1. Nội dung tư vấn:**

- Tư vấn xây dựng kế hoạch liên kết theo các văn bản sau:
  - + Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
  - + Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
  - + Kế hoạch số 143/KH-LM ngày 04/09/2025 của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm năm 2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.
- Thông tin chung của Kế hoạch liên kết:
  - + Chủ trì liên kết: Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Tân
  - + Địa chỉ: Số 147, KDC 5, ấp 7, xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai
  - + Sản phẩm liên kết: Chuối
  - + Diện tích sản xuất: 80 - 90 ha Số hộ tham gia sản xuất: 40 - 60 hộ
  - + Địa điểm sản xuất: xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai.

**2. Sản phẩm của gói dịch vụ tư vấn:**

Kế hoạch liên kết, tiêu thụ sản phẩm chuối trên địa bàn xã Phú Vinh được UBND xã Phú Vinh phê duyệt.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ khi ký hợp đồng cho đến khi có quyết định phê duyệt của UBND xã Phú Vinh.

**4. Kinh phí thực hiện:**



STT	Nội dung/ Mô tả	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
1	Chi phí khảo sát, thu thập thông tin, số liệu, điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất kế hoạch	công	26	1.600	41.600	TT số 004/2025/TT-BNV ngày 07/05/2025.
2	Tổng hợp, đánh giá những thuận lợi khó khăn trong sản xuất, có tính đến điều	công	16	1.600	25.600	Quy định mức lương chuyên

STT	Nội dung/ Mô tả	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
	kiện tự nhiên, tình hình KTXH vùng thực hiện kế hoạch					gia tư vấn. Khoản 1 điều 3 (mức 2, định mức theo ngày là 55 triệu/26 ngày = 2,1 triệu đồng). Áp dụng định mức 1,6 triệu đồng/ngày.
3	Tổ chức các buổi hội họp nhằm thông tin quyền lợi và trách nhiệm của thành viên khi tham gia kế hoạch liên kết, rà soát, lập danh sách các hộ tham gia (xem xét tính pháp lý của diện tích điều tham gia kế hoạch)	công	20	1.600	32.000	
4	Xử lý số liệu thu thập được, phân tích thông tin tài liệu, Xây dựng kế hoạch liên kết, kế hoạch sản xuất, kế hoạch kinh doanh, tiến độ thực hiện, hiệu quả kế hoạch sản xuất, lập chi tiết dự toán kinh phí, xây dựng qui trình kỹ thuật; chuẩn bị các hồ sơ: tư cách pháp nhân, hồ sơ về an toàn thực phẩm, soạn thảo các hợp đồng liên kết sản xuất, chuẩn bị tài liệu minh chứng cho kế hoạch, pháp lý của diện tích tham gia liên kết (Sổ đo, hợp đồng, giấy ủy quyền,...)	công	30	1.600	48.000	
5	Chi phí tìm kiếm thị trường tiêu thụ, ký hợp đồng nguyên tắc thu mua sản phẩm, hợp đồng liên kết sản xuất	công	20	1.600	32.000	
6	Chi phí ô tô công tác (khảo sát thực tế, tìm kiếm thị trường, tổ chức hội họp) - Thuê xe 07 chỗ máy lạnh đời mới phục vụ, xe đảm bảo tiêu chuẩn an toàn theo quy định - Khoảng cách di chuyển khoảng 100km/chuyến (đi + về) (đi từ xã Dầu Giây đến xã Phú Vinh và ngược lại). Khoản 10.000đ/km	chuyến	15	1.000	15.000	
7	Văn phòng phẩm					
7.1	Giấy Double A A4 định lượng 70gsm	ram	5	75	375	
7.2	Bìa hộp Flexoffice PP 75A4 FO-BF02	cái	5	80	400	
7.3	Photo kế hoạch liên kết, tài liệu (trước hội đồng và sau hội đồng) - Kích thước: Khổ A4; giấy Fort 80gsm; bìa màu; Số lượng: 150 trang cả bìa - Bao gồm: đóng cuốn thành phẩm, chi phí vận chuyển tận nơi	cuốn	30	65	1.950	

STT	Nội dung/ Mô tả	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1.000đ)	Căn cứ
7.4	Bìa nút đựng hồ sơ My Clear A4	cái	20	5	100	
7.5	Mực in Canon 303 (chính hãng)	hộp	1	1.500	1.500	
7.6	Bút bi Thiên Long TL-036 (hộp 20 cây)	Hộp	2	250	500	
	<b>TỔNG CỘNG (Bao gồm thuế GTGT)</b>				<b>199.025</b>	

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.


**GIÁM ĐỐC**  
  
**Vũ Mạnh Hà**

## BẢNG CHÀO GIÁ

**Kính gửi: Quý khách hàng**

Theo yêu cầu của Quý khách hàng, chúng tôi xin báo giá các loại hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	Phân NPK 16-16-8	kg	200,0	16,5	3.300,0
2	Phân NPK 20-20-15	kg	100,0	18,5	1.850,0
3	Phân NPK 30-10-10	kg	100,0	14,0	1.400,0
4	Phân NK 16-8 + 20 HC + TE	kg	250,0	11,0	2.750,0
5	Phân DAP 18-46	kg	150,0	23,0	3.450,0
6	SA (20%N)	kg	250,0	7,0	1.750,0
7	Phân đạm Urea (46%N)	kg	132,0	14,0	1.848,0
8	Phân Lân (16%P2O5)	kg	180,0	6,5	1.170,0
9	Phân kali clorua (60%K2O)	kg	505,0	23,0	11.615,0
10	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000,0	6,0	18.000,0
11	Thuốc BVTV (Confidor; TicTak 50EC; Movento 150OD; Aikosen 80wp; Agri Fos 400SL; Ridomil Gold 68WG; Aliette 800WG; Norshield 86.2WG; Curenox OC 85; Kumulus 80WG; Tilt Super 300EC; Anvil 5S,, Antracol 70WP,...)	Kg/lít	6,7	600,0	4.020,0
12	Nấm đối kháng <i>Trichoderma sp.</i>	Kg	50,0	90,0	4.500,0
13	Bao quây chuối	bao	2.000,0	5,0	10.000,0
	<b>Tổng cộng</b>				<b>65.653,0</b>

**Ghi chú:**

- Báo giá có giá trị mua bán trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày báo giá;
- Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc xếp, vận chuyển đến địa điểm nhận hàng của bên mua.

Gia Kiệm, ngày 22 tháng 09 năm 2025

**CHỦ CỬA HÀNG**



**Lê Thị Lợi**



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN  
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP nhận mẫu: 39A, Đường số 4, phường An Lạc, Tp. HCM

Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986

Fax: (028) 3824 7013

Email: [ktelviettin@gmail.com](mailto:ktelviettin@gmail.com)

Web: [kiemnghiemviettin.com](http://kiemnghiemviettin.com)

## BẢNG BÁO GIÁ PHÂN TÍCH/ KIỂM NGHIỆM

### KÍNH GỬI: QUÝ KHÁCH HÀNG

Trước hết chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý khách đến dịch vụ phân tích/ kiểm nghiệm mẫu của chúng tôi. Theo yêu cầu của Quý khách, chúng tôi xin gửi báo giá phân tích/ kiểm nghiệm mẫu như sau:

Stt	Chỉ tiêu phân tích/ kiểm nghiệm	Đvt	Đơn giá (đ/chỉ tiêu)
<b>A</b>	<b>Mẫu nước tưới</b>		
1	Hàm lượng Asen (As)	mẫu	180.000
2	Hàm lượng chì (Pb)	mẫu	180.000
3	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mẫu	180.000
4	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mẫu	180.000
<b>B</b>	<b>Mẫu đất trồng</b>		
1	Hàm lượng Asen (As)	mẫu	180.000
2	Hàm lượng chì (Pb)	mẫu	180.000
3	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mẫu	180.000
4	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mẫu	180.000

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm VAT, công lấy mẫu và vận chuyển mẫu đến phòng LAB.

- Phương thức thanh toán: Thanh toán đầy đủ chi phí trước khi nhận kết quả phân tích.

- Thời hạn báo giá: Báo giá có giá trị 60 ngày kể từ ngày ban hành báo giá này.

Xin Quý khách vui lòng liên hệ với chúng tôi để được tư vấn chi tiết hơn.

Hân hạnh được phục vụ Quý khách.

Xin chân thành cảm ơn. Trân trọng kính chào./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

ThS. Nguyễn Văn Tâm